

NGUYỄN LAN PHƯƠNG
HỒ THỊ THU THANH - NGUYỄN THỊ TUYẾT

ĐỀ KIỂM TRA

Tiếng Anh

Ôn tập môn Tiếng Anh theo chương trình chuẩn sách giáo khoa,
các đề thi học sinh giỏi

Lớp

5



Hello! My name is...



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN LAN PHƯƠNG - HỒ THỊ THU THANH - NGUYỄN THỊ TUYẾT

ĐỀ KIỂM TRA

TIẾNG ANH LỚP 5

(Ôn tập môn Tiếng Anh theo chương trình chuẩn, các dạng đề cho học sinh giỏi)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo và các em học sinh thân mến!

Nhằm giúp các em học sinh lớp 5 có thêm tài liệu để làm quen và tự ôn tập trước các bài kiểm tra và thi học kì môn Tiếng Anh trong năm học, chúng tôi đã biên soạn và sưu tập những đề kiểm tra Tiếng Anh lớp 5. Ngoài những kiến thức bám sát chương trình giảng dạy, chúng tôi biên soạn thêm những bài đọc hiểu, bài tập văn phạm, bài nghe ở mức độ rộng để các em có thể tự rèn luyện nâng cao kiến thức của mình.

Cấu trúc cuốn sách gồm 4 phần:

Phần A: *Ngữ Pháp*

Phần B: *Một số đề kiểm tra học kì I*

I. *Các đề kiểm tra 1 tiết*

II. *Đề luyện tập giữa học kì I*

Phụ lục: *Đề kiểm tra giữa học kì I*

III. *Đề luyện tập cuối học kì I*

Phụ lục: *Đề kiểm tra cuối học kì I*

Phần C: *Một số đề kiểm tra học kì II*

I. *Các đề kiểm tra 1 tiết*

II. *Đề luyện tập giữa học kì II*

Phụ lục: *Đề kiểm tra giữa học kì II*

III: *Đề luyện tập cuối học kì II*

Phụ lục: *Đề kiểm tra cuối học kì II*

Phần D: *Một số đề thi học sinh giỏi*

Chúng tôi hi vọng cuốn sách này sẽ giúp cho học sinh có thêm tài liệu để ôn tập, nắm vững kiến thức và đạt kết quả cao trong các bài kiểm tra. Ngoài ra, sách cũng giúp cho giáo viên giảng dạy tiếng Anh tiểu học có thêm tài liệu để hướng dẫn học sinh luyện tập. Chúc các em học tập đạt kết quả!

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN A : NGỮ PHÁP

+ Đại từ nhân xưng làm chủ ngữ.

- I tôi

- You bạn, các bạn

+ Động từ to be

Are được viết tắt là 're

Am được viết tắt là 'm

EX: I am → I'm

EX: I'm Vietnamese.

I'm + nationality

(dùng để giới thiệu về quốc tịch)

* Hỏi và trả lời từ đâu đến.

Ex: Where are you from?

I'm from Vietnam.

Where is she from?

She is from Singapore.

Form:

Where + to be + S + from?

S + to be + from + tên nước

Khi chúng ta muốn nói tới địa chỉ nơi ở của mình thì dùng cấu trúc sau.

He + lives + at.....(chỉ số nhà)

She + lives + in.....(chỉ thành phố)

Ex: He lives at Le Hong Phong Street.

She lives in Quangninh.

I + live + at/ in.....

Ex: I live in Ninhbinh.

I live at 43 Nguyen Chi Thanh - Hanoi.

B. Cách dùng động từ "Like"

S + like + ... n....

Ex: I like English.
I like candy.

S + like + V...ing

Ex: I like watching TV.
I like playing sports.

C. Giới thiệu về tuổi.

S + tobe + tuổi + years old

EX: She is ten years old.
I am nine years old.

D. Muốn hỏi về ngày tháng năm chúng ta dùng câu trúc sau.

Ex: What is the date today?
It is September 7th 1999

Q: What is the date today?

A: It is + tháng + ngày + năm

* Hỏi và trả lời về ngày tháng năm sinh.

Ex: A. S1: When were you born?
S2: I was born on September 23rd 1981.
B. S1: When was he born?
S2: He was born on July 7th 2000.

When + was/ were + S + born?

S + was/ were + born on + month + date + year.

*** Hỏi và trả lời về “nghề nghiệp”.**

Ex: S1: What does your father do?
S2: He is a doctor or my father is a doctor.
S1: What do you do?
S2: I'm a teacher.

- Do dùng cho chủ ngữ You, They, We

- Does dùng cho chủ ngữ He, She, It

Form:

What + do/ does + S + do?
S + to be + a/ an + job.

Nói về ước muốn nghề nghiệp

Ex: I want to be a teacher

S + want(s) + to be + a/an + job

*** Thì hiện tại tiếp diễn**

*** Hỏi và trả lời về bạn đang làm gì**

Ex: - What are you doing?
- I'm reading a book

Form:

- Thì hiện tại tiếp diễn, diễn tả hành động đang diễn ra tại thời điểm nói

What + to be + S + V(ing)?
S + to be + V(ing)

Note: Cách cấu tạo của động từ “ V-ing”

Read → reading (thêm “ing” vào sau “V”)

Write → writing (nếu từ nào kết thúc là “e” thì bỏ “e” thêm “ing”)

Swim đứng trước là một nguyên âm vậy nên ta phải gấp đôi phụ âm và thêm “ing”

Swim → swimming

*** Hỏi và trả lời “ai đang làm gì”**

Ex: S1: What is he doing?
S2: He is doing homework

Form: **What + is + he/she + doing?**
He/She + is + V_ ing

*** Hỏi và trả lời “rủ ai về ý muốn làm việc gì đó”**

Ex: Do you want to play hide-and-seek?
Sure or yes, I do / No I don't

Form: **Do you want to + V...?**
Sure đồng ý
Yes, I do / No, I don't

*** Rủ mời ai cùng làm việc gì**

Ex: Let's play some games
Let's listen to music

Form: **Let's + V(ing) +**

*** Hỏi về tần suất thực hiện các hoạt động**

Ex: How often do you play football?
I usually play football
How often do you read book?
I always read book

Form: **How often + do/does + S + V(ing)?**
S + adv (chỉ tần suất) + V(ing)

2. Hỏi và trả lời về “môn thể thao yêu thích”

- Ex: S1: What is your favorite sport?
 S2: It is swimming
 S1: What is his favorite sport?
 S2: His favorite sport is football.

Form

What + to be + your + favorite sport?
It is + môn thể thao.

* Thì quá khứ đơn với động từ to be

Is/ am → was

Are → were

* Hỏi và trả lời “hôm qua bạn ở đâu”.

EX: Where were you yesterday?

I was at home.

* *Giới từ at thường được dùng với các từ chỉ sự kiện ngày hội*

* Thì quá khứ đơn.

* Hỏi và trả lời làm gì trong quá khứ.

Ex: What did you do at the festival?

Or What did you do last week?

* Answer : I played football.
 I danced with my friends.

Form:

What did + S + do?
S + V(past) +.....

PHẦN B : MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. CÁC ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT ĐỀ 1

I. Chọn câu có đáp án đúng

1. A. They is from England.
B. They are from London.
2. A. She am English.
B. She is Chinese.
3. A. She was born in October 10th 2000.
B. She was born on November 10th 2000.
4. A. What does her father do?
B. What do her mother do?
5. A. She wants to be a writer.
B. She want to be a teacher.

II. Chọn đáp án đúng

1. A. Nam is Vietnamese.
B. Nam is Vietnam.
2. A. Where is he's from?
B. Where is he from?
3. A. I was born on September 20th 1996.
B. I was born in September 20th 1996.
4. A. He wants to be a dancer.
B. He wants to be dancer.
5. A. When were you born?
B. When are you born.

III. Chọn đáp án A, B, C hay D

1.name is Minh

- A. Our B. Their C. His D. Me
2. He isHa Noi.
- A. of B. at C. on D. from.
3. He was bornSeptember 13rd 1980.
- A. from B. on C. in D. at
4. He is aat Hai Hoa primary school.
- A. student B. farmer C. worker D. engineer.
5. My brother is an.....
- A. singer B. dancer C. engineer D. nurse

IV. Điền từ vào chỗ trống

do from How Where My

A: What is your name

B: (1).....name is Huong.

A: (2).....are you from?

B: I'm(3).....Viet Nam.

A: (4).....old are you?

B: I'm eleven years old.

A: What do you (5).....?

B: I'm a student

V. Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng điền True hoặc sai điền Flase

My name is Mai. I'm a student at Hai Hoa primary school. Music is my favourite subject. I want to be a singer because I like to sing. I like to play piano, too. I wants to be a musician in the future.

1. Her name is Mai. _____
2. She is a farmer. _____
3. English is her favourite subject. _____
4. She wants to be a singer. _____
5. She wants to be a musician in the future. _____

V. Sử dụng những từ cho trước hãy viết về bản thân em

1. Name:.....
2. Age:.....
3. Date of birth:.....
4. Nationality:.....
5. School:.....

ĐỀ 2

I. Hãy khoanh tròn những từ không cùng loại

- | | | | |
|--------------------|----------------|-------------|-----------|
| 1. A. job | B. teacher | C. engineer | D. doctor |
| 2. A. chicken | B. meat | C. hungry | D. fish |
| 3. A. orange juice | B. apple juice | C. water | D. food |
| 4. A. four | B. fine | C. five | D. eleven |

II. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống

1. It's time (for / at / on) lunch.
2. They get (on / up / in) at six o'clock.
3. He is (a / the / an) engineer.
4. She goes to work (to - from / from - on / from - to) 7.30 a.m
..... 4.30 p.m.

III. Sắp xếp các từ sau thành một câu hoàn chỉnh

1. do / What time / go / to / you / school / ?
.....
2. job / her / What / is / ?
.....
3. orange juice / my / is / favourite / drink /
.....
4. like / I'd / bread / some .
.....

IV. Dịch các câu sau sang tiếng Anh

1. Tôi khát. Tôi muốn uống Co-ca.

.....

2. Tôi đi học vào lúc 6 giờ 30 sáng.

.....

V. Đọc và trả lời câu hỏi bên dưới

This is my mother. Her name is Hoa. She is a doctor. She gets up at 6 a.m in the morning. She has breakfast at 6.30 a.m. Her favourite food is hamburger. She goes to work at 7 o'clock. She works in the hospital from 7.30 a.m to 4.30 p.m. She goes to bed at 10.00 p.m.

1. What's her name?

.....

2. What's her job?

.....

3. What time does she go to work?

.....

4. What's her favourite food?

.....

ĐỀ 3

I. Sắp xếp các từ sau thành một câu hoàn chỉnh

1. do / What time / have / you / lunch/ ?

.....

2. like / I'd / milk / some .

.....

3. orange / my / is / favourite / food/

.....

4. job / his / What / is ?
.....

II. Hãy khoanh tròn những từ không cùng loại

- | | | | |
|----------------------|---------------|----------------|------------|
| 1. A. eight | B. fine | C. eleven | D. five |
| 2. A. job | B. teacher | C. worker | D. doctor |
| 3. A. chicken | B. meat | C. fish | D. hungry |
| 4. A. have breakfast | B. have lunch | C. have dinner | D. thirsty |

III. Dịch các câu sau sang tiếng Anh

1. Tôi đói. Tôi muốn ăn bánh mì.
.....
2. Tôi đi ngủ vào lúc 10 giờ 30.
.....

IV. Đọc và trả lời câu hỏi

This is my father. His name is Nam. He is a worker. He gets up early at 5 a.m in the morning. He has breakfast at 5.30 a.m. His favourite food is noodles. He goes to work at 6 o'clock. He go to work from 8.00 a.m to 5.00 p.m. He goes to bed at 10 p.m.

1. What's his name ?
.....
2. What's his job ?
.....
3. What time does he go to work ?
.....
4. What's his favourite food ?
.....

V. Chọn từ thích hợp vào chỗ trống

1. She is (a / the / an) work.

2. They get (on / up / in) at 7 o'clock.
3. He goes to work (to - from / from - on / from - to) 7.30 a.m
..... 4.30 p.m.
4. It's time(for / at / on) dinner.

ĐỀ 4

I. Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D

1. His name Quoc Anh.
A. was B. is C. are D. were
2. He is Vietnam.
A. from B. at C. on D. in
3. I was born September 20th 1980.
A. from B. at C. on D. in
4. Lam is a at Thang Long Primary School.
A. student B. famer C. worker D. postman
5. His sister is a/an..... At Bach Mai hospital.
A. nurse B. singer C. dancer D. engineer

II. Điền từ vào chỗ trống

Your, her, his, she, father, does, where, works

A: What is your mother's name?

B: (1) name's Hung.

A: How old is (2).....?

B: She's thirsty-seven.

A: What (3)..... she do?

B: She's a nurse.

A: (4) does she work?

B: She (5) at Bach Mai hospital.

III. Dịch sang tiếng Việt và trả lời câu hỏi

Laura is my friend. She is from London. She is English. She is thirteen years old. She studies many subjects such as English, Maths, Science, Art and Music. She likes Art the most because she wants to be an artist.

1. Where is Laura from?
.....
2. How old is she?
.....
3. How many subjects does she learn?
.....
4. What is her favourite subject?
.....
5. What does she want to be?
.....

ĐỀ 5

I. Gạch chân từ không cùng loại với các từ còn lại

- | | | |
|---------------|-------------|--------------|
| 1. A. jeans | B. shorts | C. skirt |
| 2. A. fish | B. chicken | C. milk |
| 3. A. zoo | B. elephant | C. monkey |
| 4. A. pencil | B. book | C. bookshop |
| 5. A. january | B. thursday | C. september |

II. Nối câu hỏi với câu trả lời

A	B	Nối
1. What time do you get up?	a. He's an engineer	1 -
2. What subjects does she like?	b. Because I want to see animals	2 -
3. Does she go there by bus?	c. Yellow and white	3 -
4. What does he do?	d. 5.30 p.m	4 -

5. What colour are they?	e. At 5.30 a.m	5 -
6. Why do you want to go to the zoo?	f. Yes, she does	6 -
7. What time is it?	g. Twenty-five thousand Dong	7 -
8. How much are they?	h. She likes Math and Music	8 -

III. Đọc đoạn văn rồi trả lời câu hỏi

Hi! His name is Huy. He's eleven years old. He's a student. He lives in a small house in the city. His house is near a park. He gets up at half past five. Then he brushes the teeth and washes his face. He has his breakfast, then he goes to school at half past six. The school is near his house. Classes start at seven o'clock.

1. What's his name?

.....

2. What does he do?

.....

3. Does he live in the city?

.....

4. What time does he get up?

.....

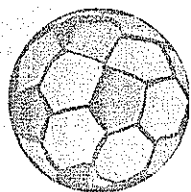
5. Does he go to school at 6 o'clock?

.....

6. How old is Huy?

.....

IV. Dùng tranh hoàn tất các câu sau)



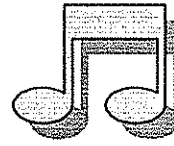
a. This is a.



b. He goes to school by.....



c. That's a



d. I like



e. S1: What does Mrs. Smith do?

S2: She's a

II. ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

ĐỀ 1

I. Khoanh tròn vào từ khác loại với các từ còn lại

1. Sing	Classrom	Swim	Dance
2. Football	Song	Badminton	Chess
3. Play	Draw	Yesterday	Write
4. Is	Am	Are	A
5. Picture	Red	Green	Black

II. Hoàn thành các câu sau

1. Wh__e are you from?

2. What is the w__ther today?
3. It's M__y 22 .
4. I wa__t to be a danc__r.
5. Do you want to pl__y ba__minton?

III. Từ nào điền vào chỗ chấm sẽ đúng, em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D

1. I am writing a letter my pen friend.
A. to B. on C. in D. at
2. Peter is chess now.
A. doing B. playing C. going D. being
3. often do you play football?
A. What B. Why C. How D. Where
4. Where you yesterday?
A. are B. is C. was D. were
5. Do you want to a bike?
A. write B. ride C. draw D. read

IV. Sắp xếp các từ sau để được câu hoàn chỉnh

1. is / Linda / England / from.
.....
2. birthday / is / your / When?
.....
3. do / often / How / play / you / football?
.....
4. you / to / want / play / Do / skipping rope?
.....
5. were / Where / you / yesterday?
.....

ĐỀ 2

I. Hoàn thành đoạn hội thoại

Why, elephants, jump, dance

A: Do you like.....(1).....?

B: Yes, I do.

A:(2).....do you like them?

B: Because they can...(3).....and...(4).....

II. Điền vào chỗ trống

1. Nam l _kes b _rs.

2. I w _nt s _me stam _s.

3. My f _vourite food is _icken.

4. _at time _s _t?

III. Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

1. is/ a/ she/ teacher.

.....

2. like/ I/ tigers.

.....

3. circus/ go/ Let's/ to/ the.

.....

4. hungry/ I/ am.

.....

IV. Khoanh tròn từ khác loại

1. Fish	Chicken	Juice	Meat.
2. Breakfast	Drink	Lunch	Dinner
3. Draw	Mum	Play	Learn
4. Food	Teacher	Doctor	Engineer

V. Viết sang Tiếng Anh

1. Bưu điện:.....
2. Khi:.....
3. Com:.....
4. Đi học:

ĐỀ 3

I. Sắp xếp các từ dưới đây thành các câu hoàn chỉnh

1. does / What / she / go / to / time / school ?
.....
2. like/ monkeys / and / I / Khanh / and / bears.
.....
3. watches / She / at / TV / 5.30.
.....
4. has / six / Hoa / dresses / blouse / a / and /
.....

II. Khoanh tròn đáp án đúng nhất

1. Nam likessome books and a ruler. Let's go to the bookshop.
A. buy B. buys C. to buy
2. What time he have breakfast ?
A. is B. does C. do
3. I want some chickens and milk . Let's go to the
A. Foodstall B. Fashionshop C. Post office
4. Alan lunch at 11.30 a.m.
A. have B. is C. has

III. Sắp xếp các từ dưới đây thành 2 chủ điểm

Blue, white, rice, bread, brown, hamburger, red, meat

1. Màu sắc:.....
2. Thức ăn:.....

IV. Viết các câu dưới đây sang tiếng Anh

- 1. Em thích các chú cọp và các chú khỉ.
.....
- 2. Tôi muốn vài quyển sách và một cây bút.
.....
- 3. Mai đi học vào lúc 6.30.
.....
- 4. Con voi có thể múa.
.....

V. Viết các câu sang tiếng Việt

- 1. I watch T.V at 5.30 a.m.
.....
- 2. Why do you like go to the supermarket ?
.....
- 3. Bears can climb.
.....
- 4. This is a blue and yellow shoes.
.....

ĐỀ 4

I. Chọn câu có đáp án đúng

- | | |
|---|---|
| 1. A. Where were you born?
B. Where was you born? | 5. A. What you are doing now?
B. What are you doing now? |
| 2. A. I was born on 1996.
B. Mai was born in 1996. | 6. A. I played badminton yesterday.
B. I play badminton yesterday. |
| 3. A. She's England.
B. She's English. | 7. A. LiLi wants tobe a dancer
B. LiLi want tobe a dancer. |
| 4. A. Where's he from?
B. Where he's from? | 8. A. I am reading a book.
B. I reading a book. |

II. Chọn câu trả lời đúng A, B, C hoặc D

1. There many teachers and students at the Festival last week.
A. was B. are C. were D. is
2. What you do yesterday?
A. do B. did C. does D. is
3. I am writing a letter my new pen friend.
A. to B. at C. on D. in
4. I was born September 20th 1996.
A. from B. at C. on D. in
5. Nam is a at Thang Long Primary School.
A. student B. worker C. farmer D. postman
6. I am a letter now.
A. drawing B. writing C. write D. singing

III. Trả lời câu hỏi

1. Where are you from?
.....
2. When were you born?
.....
3. What do you want to be?
.....
4. What did you do at the Festival?
.....
5. How often do you play hide and seek?
.....
6. Where were you yesterday?
.....

ĐỀ 5

I. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

1. like / Would / you / banana / a ?

.....?

2. subjects / you / have / What / do?

.....?

3. learn / I / read / to / write / and.

.....

4. from/ are / Where / you ?

.....?

5. time / is / What / it ?

.....?

II. Ghép thành câu hoàn chỉnh

Informatics

1. Science.

2. Maths.

3. Arts.

4. Music.

5. English.

Play games

a. Draw a picture.

b. Learn about animals and plants.

c. Learn about numbers.

d. Read and write.

e. Sing songs.

III. Sắp xếp câu sau thành đoạn hội thoại

☐ I like Music.

☐ I'm from Thang Long School. What subject do you like the most ?

☐ Hello, my name is Nam.

☐ When do you have it?

☐ Hi.I'm Lan.What school are you from?

☐ I have it on Monday and Friday.

IV. Chọn những câu có đáp án đúng A, B hoặc C

1. A: Are those your notebooks?
B: No,
A. They aren't B. It isn't C. I'm not
2. My books arethe shelf.
A. in B. on C. between
3. I like Music. I like to sing.
A. But B. Because C. And
4.you like Maths?
A. Do B. Are C. Does
5.subjects do you like?
A. Where B. When C. What

ĐỀ 6

I. Khoanh tròn từ khác loại với các từ còn lại

- | | | | |
|-------------|--------|---------|----------|
| 1. February | Friend | October | December |
| 2. Game | Story | Book | Want |
| 3. Who | What | That | How |
| 4. I | My | Your | Our |
| 5. Singer | Nurse | Dance | Farmer |

II. Hoàn thành các câu sau

1. Where are you fr__ ?
2. What is the weath__ today ?
3. It's __ay 22 .
4. I want to be a d__cer.
5. Do you w__t to play badminton ?

III. Từ nào điền vào chỗ chấm sẽ đúng, em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D

1. I from Vietnam.
A. is B. are C. am D. was
2. How do you play chess ?
A. often B. never C. usually D. ever
- 3 . Do you want to play ride a
A. nice B. bike C. book D. letter
- 4 . Lan is letter now .
A. going B . doing C. playing D. writing
- 5 . Where you yesterday ?
A. are B. is C. was D. were

IV. Sắp xếp các từ sau để được câu hoàn chỉnh

1. from / is / he / London .
.....
2. your / birthday / When / is ?
.....
3. often / do / How / badminton / play / you
.....
4. yesterday / you / were / Where?
.....
5. to / you / want / Do / ride a bike ?
.....

ĐỀ 7

I. Nối từ ở cột A với từ ở cột B

A	B	Nối
1. Would you like an apple?	a. I'm fine thank	1 -
2. What would you like?	b. Yes, I can	2 -
3. How many books are there?	c. No, thank you	3 -
4. How are you?	d. I'd like milk	4 -
5. Can you swim?	e. four	5 -

II. Hoàn thành những câu sau đây

1.ese are our school b...gs.
2.ose are my m...ps.
3. It is on the t...bl...
4. I have six noteb.....ks.

III. Khoanh tròn đáp án đúng

1. are you from

A. How

B. Where

C. Who

2. His brithday is December.

A. in

B. at

C. on

3. She is happy today is her brithday.

A. but

B. and

C. because

4. I can speak

A. Viet Nam

B. England

C. English

IV. Trả lời câu hỏi

1. What is your name? →
2. How old are you? →
3. Where are you from? →
4. Can you speak English? →

V. Sắp xếp những từ dưới đây thành câu có nghĩa

1. like / some / you / milk / Would?

2. Viet Nam / am / from / I.

PHỤ LỤC: ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

ĐỀ 1

I. Hãy khoanh tròn những từ không cùng loại

- | | | | |
|--------------------|----------------|-------------|-----------|
| 1. A. dance | B. teacher | C. engineer | D. doctor |
| 2. A. chicken | B. meat | C. cold | D. fish |
| 3. A. orange juice | B. apple juice | C. water | D. meat |
| 4. A. four | B. fine | C. five | D. eleven |

II. Chọn từ thích hợp vào chỗ trống

1. Ha is (from / at / on) Thaibinh.
2. Mai gets (on / up / in) at seven o'clock.
3. He is (a / the / an) teacher.
4. She goes to work (to - from / from - on / from - to) 8.30 a.m
..... 5.30 p.m.

III. Sắp xếp các từ sau thành một câu hoàn chỉnh

1. do / What time / have / breakfast / you / a / ?

2. job / his / what / is / ?

3. apple juice / your / is / favourite / drink /.

4. like / I'd / chicken / some/.

IV. Dịch câu sau sang tiếng Anh

1. Tôi khát. Tôi muốn uống nước cam.

2. Tôi thức dậy lúc 6 giờ.

V. Đọc và trả lời câu hỏi

This is my father. His name is Minh. He is a doctor. He gets up at 6 a.m in the morning. He has breakfast at 6.30 a.m. His favourite food is hamburger. He goes to work at 7 o'clock. He works in the hospital from 7.30 a.m. to 5.30 p.m. He goes to bed at 10.00 p.m.

1. What's his name ?

2. What's his job ?

3. What time does He go to work ?

4. What's his favourite food ?

ĐỀ 2

I. Sắp xếp các từ sau thành một câu hoàn chỉnh

1. / was/ born/19th /1999/I/ on/ December/.

2. are/ books/ table/ There/ some/ on/ the/.

3. has/ at/ a.m/ Mary/ breakfast/ 7.30/.

4. job / her / What / is / ?

II. Hãy khoanh tròn những từ không cùng loại

- | | | | |
|----------------------|---------------|----------------|------------|
| 1. A. eight | B. fine | C. eleven | D. five |
| 2. A. job | B. teacher | C. worker | D. doctor |
| 3. A. chicken | B. meat | C. fish | D. hungry |
| 4. A. have breakfast | B. have lunch | C. have dinner | D. thirsty |

III. Đọc và trả lời câu hỏi

This is my friend. His name is Hoang. He is a student. He gets up early at 5 a.m in the morning. He has breakfast at 5.30 a.m. His favourite food is noodles. He goes to school at 6 o'clock. He goes to school from 8.00 a.m to 5.00 p.m. He goes to bed at 10.00 p.m.

1. What's his name ?

.....

2. What's his job ?

.....

3. What time does he go to school ?

.....

4. What's his favourite food ?

.....

IV. Mỗi câu có 1 lỗi sai, tìm và sửa lỗi sai

1. She are playing badminton in the schoolyard now.

.....

2. I was born in December 17th 1999.

.....

3. How usually do you play skipping rope? - Always.

.....

4. Yesterday we have a celebration of Teacher's Day.

.....

5. When are you born? - I was born on March 2nd 1999.

.....

V. Điền từ

- 1. Do you want top play ch....?
- 2. I like that red dr... .
- 3. I pl... badminton every Mon... .
- 4. I was born in M... .

ĐỀ 3

I. Khoanh tròn vào từ khác loại

1. Football	Song	Tennis	Badminton
2. Festival	Week	Year	Month
3. Sing	Play	Draw	Yesterday
4. Am	Is	Are	An
5. Blue	White	Green	Letter

II. Mỗi câu có 1 lỗi sai, tìm và sửa lỗi sai:

- 1. Phong want to be a footballer.
.....
- 2. Does Lan and Hoa usually go shopping on Sunday?
.....
- 3. Last weekend, I am at my friend's birthday party.
.....
- 4. There is some books on the table.
.....
- 5. What does he do in 1982?
.....

III. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

1. My brother is a at Bach Mai Hospital.
2. It's nice today. Let's badminton now.
3. My birthday is October.
4. I want to a singer.
5. My mother cooking dinner in the kitchen.
6. I was the School Festival.

IV. Chọn đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống

- | | |
|--|-------------------------|
| 1. It rainy in Thai Binh yesterday. | (is, are, was) |
| 2. What time you have lunch yesterday? | (did, do, does) |
| 3. There are some pictures the wall. | (on, in, at) |
| 4. There are twenty in my class. | (boys, girl, boy) |
| 5. gets up at 6.00 | (I, We, She) |
| 6. you want to ride a bike with me ? | (can, do, are) |
| 7. There flowers at the festival last week. | (were, was, are) |
| 8. She go swimming because I can't swim. | (often, never, usually) |
| 9. How students are there in your classroom? | (many, often, old) |
| 10. She to be a dancer. | (want, wants, wanted) |

V. Đọc và hoàn thành câu

This is Phong. He is a student at Dong Da Primary School. The school held a sports day yesterday. All the teachers and Students were there. The students played different sports and games, such as football, badminton, chess, and hide and seek. Phong played badminton very well. He was happy because he was the best player.

1. Phong is
2. The school held
3. All the teachers and students
4. The students played.....
5. Phong was happy because.....

ĐỀ 4

I. Tìm từ khác loại

1. Read	Write	Letter
2. Doctor	Nurse	School
3. Sit	Doing	Stand
4. Playing	Wwimming	Badminton
5. Always	Never	Usually

II. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

1. Let's hide and seek.
2. I want to rope.
3. I often my bicycle in the afternoon.
4. Let's badminton.
5. I'm chess with my father.
6. We want swimming.
7. My sister is a letter.
8. Do you want football.

III. Sắp xếp từ thành câu

1. football / favourite / is / my/ sport.
.....
2. some / games / play / let's.
.....
3. you / to / want / do / badminton / play?
.....
4. swimming / often / go / How / do / you?
.....

IV. Chọn câu trả lời đúng

1. I want a footballer.

32 A. be B. to be C. being

2. is my favourite sport.
 A. swim B. swimming C. to swim.
3. I born on September 2nd
 A. am B. was C. were
4. Where you yesterday ?
 A. are B. was C. were
5. There a lot of people at my party yesterday.
 A. are B. was C. were

V. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Hello. My name's Tung. I go to school in the morning and I usually do my homework in the afternoon. I like sports. I usually play football on Sunday afternoon. I like cars. I have many toy cars. I want to be a car designer.

1. What's his name ?

.....

2. When does he go to school ?

.....

3. Does he like sports ?

.....

4. How often does he play football ?

.....

5. How often does he go swimming ?

.....

6. What does he want to be ?

.....

ĐỀ 5

I. Lựa chọn và đánh dấu ✓ vào đáp án đúng A, B, C hoặc D

1. LiLi is to music.
A. listen B. listening C. listened D. listens
2. What you doing?
A. do B. did C. are D. were
3. We were the Song Festival yesterday.
A. in B. on C. to D. at
4. I go swimming because I cannot swim.
A. never B. often C. sometimes D. usually
5. How Does he ride a bike in the park? - Sometimes.
A. many B. often C. sometimes D. old

II. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

1. Lan and Mai doing English exercises now.
2. What they do at the festival?
3. I often play chess Sunday.
4. It's hot today. Let's swimming.
5. Where you last week?

III. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi phía dưới

We are in the classroom now. We are having an English lesson. The teacher is asking a question. Some students are listening to her. Some students are writing in their notebooks. Some students are reading the passage. Some are making a dialogue. The class is really exiting.

Answer the questions

1. Where are they?
.....
2. What are they doing?
.....

3. What is the teacher doing?

.....

4. What are the students doing?

.....

5. How is the class?

.....

IV. Sắp xếp lại trật tự các câu sau

1. is/drawing/he/a/ picture/.

.....

2. What's/favourite/your/sport/?/game/or.

.....

3. you/enjoyed/did/the/competition/?

.....

4. never/he/plays/chess/.

.....

III. ĐỀ LUYỆN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

ĐỀ 1

I. Khoanh tròn vào từ khác loại

- | | | | |
|-------------|-------|--------|-----------|
| 1. football | song | tennis | badminton |
| 2. festival | week | year | month |
| 3. sing | play | draw | yesterday |
| 4. am | is | are | an |
| 5. blue | white | green | letter |

II. Mỗi câu có 1 lỗi sai, tìm và sửa lỗi sai

1. Phong want to be a footballer.

.....

2. Does Lan and Hoa usually go shopping on Sunday?

3. Last weekend, I am at my friend's birthday party.

4. There is some books on the table.

5. What does he do in 1982?

6. She are playing badminton in the schoolyard now.

7. I was born in December 17th 1999.

8. How usually do you play skipping rope? - Always.

9. Yesterday, We have a celebration of Teacher's Day.

10. When are you born? - I was born on March 2nd 1999.

III. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

1. My brother is a at Bach Mai Hospital.

2. It's nice today. Let's badminton now.

3. My birthday is October.

4. I want to a singer .

5. My mother cooking dinner in the kitchen.

IV. Chọn đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống

1. It rainy in Thai Binh yesterday.

(is, are, was)

2. What time you have lunch yesterday?

(did, do, does)

3. There are some picturesthe wall.

(on, in, at)

4. There are twenty in my class.

(boys, girl, boy)

- | | |
|--|-------------------------|
| 5. gets up at 6.00 | (I, We , She) |
| 6. you want to ride a bike with me ? | (can, do, are) |
| 7. There a lot of flowers at the festival last week. | (were, was, are) |
| 8. She go swimming because I can't swim. | (often, never, usually) |
| 9. How students are there in your classroom? | (many, often, old) |
| 10. She to be a dancer. | (want, wants, wanted) |

V. Đọc và hoàn thành câu

This is Phong. He is a student at Dong Da Primary School. The school held a sports day yesterday. All the teachers and Students were there. The students played different sports and games, such as football, badminton, chess, and hide and seek. Phong played badminton very well. He was happy because he was the best player.

- Phong is.....
- The school held.....
- All the teachers and students
- The students played.....
- Phong was happy because

ĐỀ 2

I. Chọn đáp án đúng

- The teacher is.....a story to the pupils. (tells / to tell / telling)
- I'm reading a letter.....Peter. (from / to / on)
- When..... Linda born? (were / was / is)
- Lan's sister is a.....at Viet Duc Hospital. (nurse / engineer / singer)
-does your father do? – He's a doctor. (where / when / what)
- Mary doesn't want.....volleyball. (plays / to play / playing)

II. Tìm câu trả lời cho những câu hỏi sau

- | | |
|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1. How often do you play football? | a. She's doing English exercises. |
|------------------------------------|-----------------------------------|

- [illegible]

III. Tích vào câu A hoặc B cho đáp án đúng

1. A. What's your mother's name? 2. A. Peter is England.
B. What's your mother name? B. Peter is English.
3. A. Nam and I are playing chess now. 4. A. Let's to play some games.
B. Nam and I am playing chess now. B. Let's play some games.

IV. Đọc đoạn văn và tích (✓) True vào câu trả lời đúng hoặc False vào câu trả lời sai

During the break time we usually play in the schoolyard. The boys often play badminton. The girls always play skipping rope. I like to play hide and seek with my friends. Hoa and Linh sometimes play chess in the classroom. Now we can not play in the schoolyard because it's raining.

True False

_____ During the break time, the boys often play badminton.
 _____ The girls never play skipping rope in the schoolyard.
 _____ I like to play football with my friends.
 _____ Hoa and Linh always play chess in the classroom.
 _____ Now we can not play in the schoolyard.

ĐỀ 3

I. Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D đúng

- [illegible]

2. How'sweather.....Hanoi?

- | | | | |
|------------|-------------|---------------|-------------|
| A. the/ on | B. the / at | C. there / in | D. the / in |
|------------|-------------|---------------|-------------|
3. When is your birthday? It isMay 10th
- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. at | B. on | C. in | D. of |
|-------|-------|-------|-------|
4. Are these your dolls? No,.....
- | | | | |
|----------------|-------------|------------|---------------|
| A. they aren't | B. it isn't | C. I'm not | D. they can't |
|----------------|-------------|------------|---------------|
5. This is Nam.mother is a doctor.
- | | | | |
|-------|--------|--------|-------|
| A. he | B. she | C. his | D. my |
|-------|--------|--------|-------|

II. Chọn từ khác loại

- | | | | |
|---------------|--------------|-----------|------------|
| 1. A. sick | B. weather | C. hungry | D. hot |
| 2. A. English | B. Australia | C. China | D. America |
| 3. A. stand | B. go | C. swim | D. kite |
| 4. A. my | B. they | C. she | D. we |
| 5. A. how | B. what | C. would | D. where |
| 6. A. where | B. what | C. whose | D. when |
| 7. A. eraser | B. desk | C. house | D. student |

III. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

1. there/ many / are / in/ the sky/ clouds.

2. there/ many / Are / in/ the class/ students?

3. /weather /in /How /the /today /Ha Noi?

4. small / your /classroom /Is?

5. that / your/ Is / grandmother?

ĐỀ 4

I. Hãy khoanh tròn từ khác loại trong những câu sau

- | | | | |
|------------|---------|----------|--------|
| 1. October | January | December | Monday |
| 2. Tall | Old | Teacher | Young |
| 3. Student | Sing | Dance | Play |
| 4. What | Who | Name | Where |
| 5. At | In | Is | On |

II. Hãy chọn và khoanh tròn vào trước câu trả lời đúng nhất

- We are in class room now.
A. learning B. learn C. learns
- Mary her teeth every morning.
A. wash B. brushes C. brushs
- subjects do you like ?
A. What time B. Where C. What
- is the second day of the week.
A. Tuesday B. Saturday C. Monday
- Ha Noi is than Thai Binh.
A. bigger B. small C. short

III. Hãy tìm câu trả lời phù hợp cho câu hỏi và ghi kết quả vào ô trống

1. What's your name ?	a. I'm fine, thanks	1-
2. How old are you ?	b. Yes, I do	2 -
3. What's subject do you like ?	c. My name's Anna	3 -
4. How are you ?	d. I'm ten years old	4 -
5. Do you like English ?	e. I like Music	5 -

IV. Hãy đọc đoạn văn sau rồi trả lời các câu hỏi

Hello ! My name's John. I'm ten years old. My school is Rose Wood Primary School. I'm in group 5A. My class has thirty - two students. We have Maths, Science and English today. I like English and Maths but I don't like Science. What about you?

1. How old is John ?

.....

2. What's his school's name ?

.....

3. How many students are there in his class ?

.....

4. What subjects does he has today ?

.....

5. What subjects does he like ?

.....

V. Em hãy sắp xếp những từ sau thành câu hoàn chỉnh.

1. school / is / the / in / my / city.

.....

2. like/ do / what / subjects / you?

.....

3. Maths / like / I.

.....

4. breakfast / I / at / have / 6.30 a.m.

.....

5. Lan's Mum / teacher / a / is.

.....

ĐỀ 5

I. Khoanh tròn vào từ khác loại với các từ còn lại

- | | | | |
|---------------|---------|----------|--------|
| 1. Vietnamese | English | American | Linda |
| 2. Study | Student | Teacher | Doctor |
| 3. May | June | Candy | March |
| 4. What | Future | When | Where |
| 5. Letter | Read | Draw | Write |

II. Từ nào điền vào chỗ chấm sẽ đúng, em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D

1. often do you go swimming.
A. What B. How C. Where D. Why
2. She isletter now.
A. Playing B. going C. doing D. writing
3. Do you want to play piano and English.
A. meet B. see C. seek D. speak
4. Where you yesterday?
A. were B. was C. are D. is
5. Mary plays football.
A. ever B. never C. is D. are

III. Sắp xếp các từ sau để được câu hoàn chỉnh

1. never / LiLi / football / plays.
.....

2. your / is / When / birthday ?
.....

3. doctor / My / is / father / a .
.....

4. How / do / often /you / go / wimming ?
.....

5. story / is / Mai / reading / now.

.....

IV. Em hãy chọn từ đúng điền vào ô trống trong đoạn văn sau

Hi! I'm David. I'm (1)..... (an/a /on) student at New York Primary school. Every morning I (2)..... (gets/get /getting) up at 6 a.m. I have breakfast (3) (on/in/at) 6.30 a.m and go to school at 7 a.m. After school, I usually (4) (plays/playing/play) soccer from 5 p.m to 6 p.m with my friends. In the evening, I do my home work and (5) (go/goes/going) to bed at 10.30 p.m. It's my day.

ĐỀ 6

I. Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D và tích (✓) vào đó

1. He is football in the yard now.
A. play B. plays C. played D. playing
2. I am writng a letter my pen friend.
A. to B. at C. on D. in
3. you want to ride a bike with me ?
A. Can B. Do C. Are D. Were
4. Therea lot of flowers at the festival last week.
A. were B. was C. is D. are
5. Whatyou yesterday?
A. were B. was C. is D. are

II. Đọc đoạn văn, và tích (✓) vào những câu có đáp án đúng chọn True hoặc đáp án sai chọn False

Laura is my pen friend. She is from London. She is English. She is thirteen years old. She studies many subjects such as English, Maths,

Science, Art and Music. She likes Art the most because she want to be an artist.

1. Laura is from England
2. She is 3 years old.
3. She studies some subjects.
4. Art is her favourite subject.
5. She wants to be an artist.

True

False

III. Sắp xếp từ cho sẵn thành câu hoàn chỉnh

1. a / doctor / is / He.

.....

2. Ha Noi / am / I / from.

.....

3. are / What / doing / you ?

.....

4. want / badminton / to / I / play.

.....

5. you / Where / were / yesterday ?

.....

IV. Dịch sang tiếng Anh

1. Hôm qua bạn ở đâu ?

.....

2. Tôi ở nhà.

.....

PHỤ LỤC: ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

ĐỀ 1

I. Nối các câu hỏi ở cột A với câu trả lời đúng ở cột B

A	B	Answer
1. What do you want to be?	a. Usually.	1 -
2. What's she doing?	b. Singer.	2 -
3. Do you want to go swimming?	c. Writing a letter.	3 -
4. How often do you play football?	d. Yes, I want.	4 -
5. Where were you yesterday?	e. I was at home.	5 -

II. Sắp xếp lại các từ để thành câu hoàn chỉnh

1. Vietnamese/ am/ I.

.....

2. What/ today/ date/ the/ is?

.....

3. a/ doctor/ is/ He.

.....

4. letter/ a/ writing/ I/ am.

.....

5. I/ want/ play/ to/ badminton.

.....

III. Chọn và khoanh tròn từ đúng A, B hoặc C ở mỗi câu

1. name is Vinh.

A. My

B. He

C. She

2. She is an

A. engineer

B. nurse

C. teacher

3. you want to ride a bike with me?

A. Can

B. Do

C. Are

4. I was bornNovember 20th 1999.

A. from

B. at

C. on

5. How do you play football?

A. always

B. often

C. usually

IV. Đọc đoạn sau và đánh dấu vào câu đúng là True hoặc sai là False)

My name is Minh. I'm from Viet Nam. I'm eleven years old. I'm a student at Thang Long Primary school. I like music the most because I want to be a singer. And my favourite sport is play badminton. I often play badminton in the morning. I play badminton with my friend.

True

False

1. His name's Minh

☐☐

2. He's twelve years old.

☐☐

3. Music is his favourite subject.

☐☐

4. He plays badminton in the morning.

☐☐

5. He wants to be a musician.

☐☐

V. Dịch sang tiếng Việt

1. I want to be a singer in the future.

.....

2. I am reading a book.

.....

ĐỀ 2

I. Em hãy khoanh tròn từ không cùng nhóm với những từ còn lại

1. play

draw

skip

game

2. dancer

brother

worker

farmer

3. chess

badminton

dance

hide and seek

4. favourite

usually

often

sometimes

II. Em hãy nối câu hỏi với câu trả lời cho phù hợp

A	B	Answer
1. How often do you go swimming?	a. I was born on March 12 th 1997.	1 -
2. What are you doing?	b. Sometimes.	2 -
3. When were you born?	c. I played chess with my brother.	3 -
4. What did you do yesterday?	d. I am drawing a picture.	4 -

III. Em hãy khoanh tròn A, B, C hoặc D phương án phù hợp nhất với chỗ trống trong các câu sau đây

- My friends and I at the School Festival last week.
A. are B. were C. was D. am
- My sister was born 2001.
A. on B. for C. at D. in
- What your mother do? – She's a doctor.
A. does B. do C. did D. is
- Lan and her friends are skipping rope at the moment.
A. play B. played C. playing D. plays

IV. Em hãy đọc đoạn văn và khoanh tròn các câu đúng (T) hay sai (F)

Jane is my new pen friend. She is from Singapore. She is a student at Royal Primary School. Her favourite subject at school is Art. She wants to be an artist in the future because she likes to draw. She usually draws pictures in the afternoon.

Last weekend, Jane and her friends were at the School Festival. There were many people at the festival. They played some exciting sports and games such as badminton, football, skipping rope, hide-and-seek, and

so on. They sang, danced and drew too. Everyone enjoyed the festival very much.

1. Jane likes to draw and she wants to be an artist in the future. ☐
2. She never draws in the afternoon. ☐
3. Last weekend they did not play any games and sports at the festival. ☐
4. Jane and her friends enjoyed the festival very much. ☐

V. Em hãy sắp xếp các từ trong mỗi câu sau để tạo thành câu có nghĩa

1. born / I / November 21st / was / 1998 / on.

.....

2. song / We / yesterday / had / festival / a.

.....

3. is / a / He / picture / drawing.

.....

4. play / do / How / hide and seek / you / often?

.....

ĐỀ 3

I. Chọn từ khác loại với những từ còn lại

- | | | | |
|---------------|-----------|-------------|------------|
| 1. A. us | B. she | C. he | D. we |
| 2. A. for | B. they | C. in | D. on |
| 3. A. watch | B. listen | C. was | D. write |
| 4. A. writing | B. sing | C. drinking | D. drawing |
| 5. A. music | B. maths | C. art | D. subject |

II. Chọn câu A, B, C, hoặc D cho đáp án đúng

1. She istelevision in her room.

- A. watch B. watches C. watching D. to watch

2. What time does your father to bed?

→ At ten o'clock in the evening.

- A. go B. goes C. to go D. going

3. We do not go to schoolSaturday and Sunday.
 A. on B. at C. in D. from
4. Therea lot of flowers at the festival last month.
 A. is B. are C. was D. were
5. Whatyour mother do last night?- She read a book.
 A. do B. does C. did D. doing
6. you want to go to the supermarket with me?
 A. do B. does C. was D. were
7. My brother works in a hospital. He is a
 A. doctor B. worker C. teacher D. student
8. I want to buy some clothes. Let's go to the
 A. school B. supermarket C. post office D. bookshop
9. My father's nameQuoc Anh
 A. am B. is C. are D. was
10. Why does your sister go to the post office?
 A. Because she wants some books.
 B. Because she wants some stamps.
 C. Because she wants some hamburgers.
 D. Because she wants some toys.

III. Đọc và trả lời những câu hỏi sau

We are having a break now. We are doing a lot of interesting things in the school yard. Mai and Hoa are playing badminton. Nam is listening to music. Ba is telling a story about the film he watched last night. Nga and I are reading some newspapers about the Mid-Autumn festival.

1. What are Mai and Hoa doing ?
 A. They are reading a book B. They are listening to music
 C. They are playing badminton D. They are telling a story about a film
2. What is Nam doing?
 A. He is playing badminton B. He is listening to music
 C. He is telling a story. D. He is reading some newspapers.

II. Điền từ vào chỗ trống

1. There are.....
2.is my favourite subject.
3. My birthday is in.....
4. Where are you.....?

III. Chọn và khoanh tròn vào đáp án đúng A, B hoặc C

1. Would you like an.....?
A. apple B. cake C. babana
2. Those are my.....
A. a pencil B. pencil C. pencils
3.is your birthday?
A. Who B. When C. How
4. I don't like Maths because it is a.....subject.
A. fine B. difficult C. Interesting.
5. Whats do you do.....English lessons?
A. on B. near C. during

IV. Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi trong đoạn văn sau

Mai is a student at Quang Trung Primary School. There are thirty students in her class. Today she has Maths, English, Music and Science. She likes English the most because she wants to be an English teacher. She doesn't go to school on Saturday and Sunday.

1. Is Mai a student at Quang Trung School?
.....
2. How many students are there in her class?
.....
3. What subjects does she have today?
.....
4. Why does she like English?
.....

5. Does she go to school on Saturday and Sunday?

V. Trả lời các câu hỏi sau

1. Can you speak English?

2. How old are you?

PHẦN C: MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. CÁC ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT
ĐỀ 1

I. Dựa vào những từ cho sẵn phân loại phù hợp với chủ điểm ở dưới

Headache	Sore throat	Neck	Foot	Stomachache
Arm	Leg	Fever	Toothache	Ear

Parts of the body	Common sicknesses
Arm	Headache
Leg	Toothache
Ear	Stomachache
Fever	Sore throat

II. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

1. matter/ you/ the/ is/ with/ What?

2. very/ I/ tired/ am.

3. doctor/ see/ You/ should/ a.

4. I/ headache/ a/ have.

.....

5. today/ Linda/ go/ can't/ school/ to.

.....

III. Chọn Should hoặc Shouldn't điền vào chỗ trống

1. I have a stomachache. → Youeat too much.
2. I have a cough. → You keep warm.
3. I have a toothache. → Youeat too many candies.
4. I have a sore throat. → You drink cold water.
5. I have a headache. → You take some aspirins.

IV. Điền những từ cho sẵn sau vào chỗ dấu chấm

me/ him/ her/ them/ us/ you

1. Listen to I'm speaking English.
2. Hoa and Lan are singing. Listen to
3. Look at..... She is dancing.
4. Look at I and Lan are playing volleyball.
5. Don't call He is doing his homework.

V. Đọc và trả lời câu hỏi

It was very hot yesterday. Minh had a fever and he was very tired. He went to a doctor to have a check up. The doctor checked him, after that he gave him some medicines and said: "You should take the medicines. You shouldn't go to school. I think you will get better soon."

1. What was the matter with Minh yesterday?

.....

2. Did he see a doctor?

.....

3. What did the doctor give him?

.....

4. What should he do?

.....

5. What shouldn't he do?

.....

ĐỀ 2

I. Điền những từ cho sẵn sau vào chỗ dấu chấm thích hợp me/ him/ her/ them/ us/ you

1. Listen to She is singing a song.
2. Hoa and Lan are playing badminton. Let watch
3. Look at He is dancing.
4. Look at I and Lan are playing volleyball.
5. Don't call I am busy.

II. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

1. he/ What/ do/ did/ weekend/ last?

.....

2. matter/ you/ the/ is/ with/ What?

.....

3. very/ I/ tired/ am.

.....

4. doctor/ see/ You/ should/ a.

.....

5. What/ it/ day/ today/ is?

.....

III. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi

Mary was born in 1990 in London. Last summer she went to visit Viet Nam. First, she went to Hanoi. She visited HoChiMinh Museum, Van Mieu Quoc Tu Giam and Thu Le Park. Then she went to Hue by bus. She

visited the citadel and the Huong River. After that, she flew to Ho Chi Minh City. She went to visit Nha Rong Harbor and Ben Thanh Market. Finally, she went to visit Ha Long Bay. She took a lot of photos and bought a lot of souvenirs for her friends.

1. Where was Mary born?

.....

2. Where did you go last summer?

.....

3. Where did she go to visit first?

.....

4. How did she go to Hue?

.....

5. What did she do in Ha Long?

.....

ĐỀ 3

I. Chọn từ khác loại với những từ còn lại

- | | | | |
|-----------------|-------------|--------------|-----------------|
| 1. A. went | B. played | C. bought | D. talk |
| 2. A. last week | B. tomorrow | C. yesterday | D. last weekend |
| 3. A. cook | B. clean | C. watch | D. beautiful |
| 4. A. headache | B. eyes | C. toothache | D. fever |
| 5. A. music | B. football | C. badmiton | D. volleyball |

II. Điền những từ cho trước vào chỗ chấm

didn't	last night	watch TV	interesting	did
--------	------------	----------	-------------	-----

Lan: What did you do(1).....?

Hoa: I(2).....my homework.

Lan: Did you(3)..... I listened to music.

Lan: Was it(4).....?
Hoa: Yes, it was. I liked it very much.

III. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

- 1. music/ I/ to/ last night/ listened.
.....
- 2. anything/ didn't/ buy/ We.
.....
- 3. he/ What/ do/ did/ weekend/ last?
.....
- 4. my/ friend/ I/ a / letter/ wrote.
.....
- 5. school/ late/ yesterday/ I/ to/ went.
.....

IV. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi

Mary was born in 1990 in Washington DC. Last summer she went to Viet Nam. First, she went to Hue. She visited the citadel and the Huong River. Then, she went to visit Nha Rong Harbor in Ho Chi Minh City. After that, she flew to Ha Noi. She visited Ho Chi Minh Museum, Van Mieu Quoc Tu Giam and Thu Le Park. Finally, she went to visit Ha Long Bay. She took a lot of photos and bought a lot of souvenirs for her friends.

- 1. Where was Mary born?
.....
- 2. Where did you go last summer?
.....
- 3. Where did she go to visit first?
.....
- 4. Did she visit Van Mieu - Quoc Tu Giam in Ha Noi?
.....
- 5. What did she do in Ha Long?
.....

ĐỀ 4

I. Khoanh tròn vào câu đúng A, B hoặc C

1. What.....you like?
A. does B. did C. do
2. I'm.....I want a peach.
A. hungry B. thirsty C. I'm hungry
3. Can it fly?
A. Yes, I can B. Yes, It can C. Yes, It do
4. I wantapple.
A. a B. an C. two
5. Do you want chicken?
A. I want chicken B. Yes, I don't C. No, I don't
6. Look! There's a bird. I like.....
A. birds B. dogs C. cats
7.do you want?
A. What B. Where C. How
8. Can you drink milk?
A. Yes, I do B. Yes, I can C. Yes, I can't
9. Do you like robots?
A. Yes, I do B. No, I do C. Yes, I can
10. I.....cake.....ice cream.
A. want/ a B. want/ an C. want/ and

II. Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ

1. dribs →
2. dwoinw →
3. relalmbu →
4. wism →

III. Trả lời câu hỏi

1. Do you want fish and rice?

.....

2. Can you drink juice?

.....

3. What's your favorite color?

.....

4. Can it fly?

.....

5. What do you like?

.....

6. What do you want?

.....

IV. Sắp xếp lại các từ thành câu

1. like / I / spiders.

.....

2. milk / want / I / drink / to.

.....

3. want / do / ice cream / and / you / cake ?

.....

4. I / dog / a / like / dogs / There's / Look!

.....

V. Khoanh tròn vào từ không cùng loại

1. cut

wash

pour

juice

2. you

we

she

they

3. ice cream

chicken

milk

rice

4. apple

peach

umbrella

plum

5. juice

milk

pizza

apple juice

ĐỀ 5

I. Khoanh tròn vào từ không cùng loại

- | | | | |
|-----------------|-------------|----------------|--------------|
| 1. A. tooth | B. eye | C. head | D. aspirin |
| 2. A. photo | B. bought | C. flew | D. sang |
| 3. A. beautiful | B. souvenir | C. interesting | D. colourful |
| 4. A. summer | B. spring | C. me | D. country |
| 5. A. how | B. what | C. that | D. who |

II. Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D cho những câu sau

1. What are you going.....tomorrow?
A. to do B. do C. did D. doing
2. Linda.....going to visit her friends next weekend.
A. was B. is C. 's D. B&C
3. They.....swimming last saturday.
A. go B. going C. went D. goes
4. Are they going to the party tomorrow? - Yes, they.....
A. are B. do C. did D. can
5. He should go to the.....because he has a toothache.
A. dentist B. nurse C. teacher D. doctor
6. My friends and I.....going to the zoo next Saturday.
A. is B. was C. are D. were
7. Are you going to do your homework? - Yes,.....
A. I am B. I was C. he is D. he was
8. What's the matter.....you? - I have a cold.
A. to B. with C. from D. in
9. How many seasons are.....in England?
A. these B. those C. they D. there
10. It's often.....in the rainy season.
A. cold B. warm C. rainy D. sunny

III. Đọc hiểu sau đó chọn đáp án đúng bên dưới cho phù hợp

Yesterday(1) a terribly cold day but Jim(2) out without warm clothes, so he(3) a bad fever. His mother took him to the doctor. The doctor gave him(4) aspirins and said " You should(5) warm clothes and you shouldn't go out. I think you will get better soon."

- | | | | |
|------------|----------|------------|------------|
| 1. A. was | B. were | C. is | D. are |
| 2. A. go | B. going | C. went | D. goes |
| 3. A. has | B. have | C. had | D. having |
| 4. A. an | B. a | C. any | D. some |
| 5. A. wear | B. wore | C. wearing | D. to wear |

IV. Sử dụng những từ cho sẵn và điền vào đoạn hội thoại sau

Matter tired fever take out

1. Son: I'm very.....(1).....
2. Dad: What' the.....(2).....with you, son?
3. Son: I have a.....(3).....
4. Dad: you should...(4)..... some aspirins and you shouldn't go.....(5).

V. Dùng những từ cho sẵn viết thành câu hoàn chỉnh

1. going/We/to/are/Do Son/next weekend/visit.
.....
2. you/ going /Are/ T.V/ watch/to/this evening?
.....
3. visit/going/She/is/her/tomorrow/friends/to.
.....
4. going/We/to/are/Do Son/next weekend/visit.
.....

VI. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi

Last Sunday, Lan didn't go to school, but she went to her friend's birthday party. She got up early in the morning, went to the shop, and bought some gifts and flowers. Then, she went to her friend's house. At the party, she ate a lot of cakes and drank soft drink. She danced beautifully, sang many songs, and told a lot of interesting stories. All her friends were there too. They played many games such as hide and seek, skipping rope and cards. They were very happy and enjoyed themselves a lot. Finally, the party came to an end. They said goodbye to each other and went home late in the evening.

1. Did Lan go to school yesterday?

.....

2. Where did she go to?

.....

3. What did she buy for her friend?

.....

4. What did she do at the party?

.....

5. Did they enjoy themselves a lot?

.....

6. When did they go home?

.....

II. ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

ĐỀ 1

I. Tích vào những đáp án đúng

- | | |
|---|---|
| 1. A. Where did you go yesterday afternoon
B. Where do you go yesterday afternoon? | 6. A. She is Viet nNam
B. She is Vietnamese |
| 2. A. Where is he from?
B. Where he is from? | 7. A. My birthday is in 19 th May
B. My birthday is on 19 th May |
| 3. A. What are you doing?
B. What doing are you? | 8. A. Where does your father goes?
B. Where does your father go? |
| 4. A. Let's play some games.
B. Let play some game. | 9. A. What's time is it?
B. What time is it? |
| 5. A. Alan was born in 1999.
B. Alan was born on 1999. | 10. A. I want to play hide & seek.
B. I want play hide & seek. |

II. Trả lời những câu hỏi sau

1. What is your favourite subject?

.....

2. What is your favourite game?

.....

3. What is your favourite sport?

.....

4. What are you doing now?

.....

5. Where are your friends now?

.....

6. What is your job?

.....

7. Do you like English?

8. What does your mother do?

9. What is your father's job?

10. What is the date today?

III. Chọn câu trả lời đúng nhất

1. His nameTung Anh.

A. is B. was C. are D. were

2. He isVietnam.

A. a B. from C. on D. to

3. I was bornSeptember 20th 1999.

A. from B. in C. at D. on

4. Nam is aat Holmes primary school.

A. student B. farmer C. worker D. postman

5. Her brother is aat Viet-Phap hospital.

A. police officer B. singer C. dancer D. doctor

6. Yesterday theyto Ha Long bay.

A. went B. go C. are going D. to go

7. What are theyto do next weekend?

A. Going B. go C. to go D. went

8. I have a toothache. – So, you should go to a.....

A. dentist B. optician C. doctor D. teacher

9. I like English because it is

A. playing B. hot C. interesting D. hungry

10. Howis the schoolbag?

A. many B. much C. often D. old

IV. Điền từ còn thiếu vào đoạn hội thoại sau

- A. What is your brother's name?
B. ... (1) ... name's is Nguyen Tuan.
A. How old ... (2) ... he?
B. He is 30 years old.
A. What (3) he do?
B. He is a taxi-driver.
A. (4) does he work?
B. He (5) in Mai Linh JSC.

V. Đọc hiểu và tích vào những câu cho đáp án đúng (True) hoặc sai (False)

Linda is my pen friend. She was born in London and she is English. But now she lives in Paris with her parents. Her parents work in Paris, they are doctors. Linda is now a student at Saint's Jame Primary school. She likes Maths and she wants to be an engineer in the future.

	True	False
1. Linda is English.		
2. Linda was born in Paris.		
3. Linda lives in London now.		
4. Linda's parents are doctors.		
5. Linda wants to be a teacher.		

VI. Dùng câu hỏi đặt cho những từ gạch chân sau

1. I was born in Hanoi.
.....

2. I have pizza for lunch twice a month.
.....

3. She likes English the most.
.....

4. We are going to visit Ha Long bay next weekend.

.....

5. I wrote a letter to my pen friend.

.....

ĐỀ 2

I. Tìm từ khác loại

- | | | | |
|---------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1. A. <u>hat</u> | B. <u>cat</u> | C. <u>small</u> | D. <u>have</u> |
| 2. A. <u>cloudy</u> | B. <u>house</u> | C. <u>about</u> | D. <u>four</u> |
| 3. A. <u>windy</u> | B. <u>rice</u> | C. <u>nice</u> | D. <u>five</u> |
| 4. A. <u>this</u> | B. <u>there</u> | C. <u>thank</u> | D. <u>that</u> |
| 5. A. <u>like</u> | B. <u>think</u> | C. <u>drink</u> | D. <u>thing</u> |

II. Chọn câu trả lời đúng

- His nameQuoc Anh.
A. was B. is C. are D. were
- He isVietnam.
A. from B. at C. on D. in
- I was born June 20th1998.
A. from B. at C. on D. in
- Lan is a at Nam Son 2 Primary School.
A. student B. farmer C. worker D. postman
- He is football in the yard now.
A. play B. playing C. to play D. played
- I am writing a letter my friend.
A. to B. at C. on D. in
- What you do yesterday.
A. did B. do C. does D. are
- What the matter with you? - I have a fever.
A. was B. is C. were D. are

9. He to Sam Son last weekend

- A. go B. goes C. is going D. went

10. We are going computer games.

- A. to play B. playing C. played D. play

III. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Hi. My name is LiLi. There are four people in my family, my father, my mother, my brother and I. My father's name is Hai. He is thirty- seven years old. He is an engineer. He works in Quang Minh. My mother's name is Hue. She is thirty- three years old. She is a teacher. She teaches English in Trung Gia High school. My brother's name is Hiep. He is four years old. He learns in Soc Son Kindergarten. And I am eight years old. I am a pupil at Soc Son Primary school. I love my family very much.

1. How many people are there in LiLi's family?

- A. There are 5 people B. There are 3 people
C. There are 6 people D. There are 4 people

2. What's her father's job?

- A. He is a teacher B. He is a worker
C. He is a doctor D. He is an engineer

3. What does her mother teach?

- A. Maths B. English C. Art D. Informatics

4. How old is her brother?

- A. He is 3 years old B. He is 4 years
C. He is 5 years old D. He is 6 years old

5. Where does LiLi learn?

- A. Quang Minh B. Trung Gia High
C. Soc Son Kindergarten D. Soc Son Primary school

6. How old is LiLi?

- A. She is 4 years old. B. She is 9 years old.
C. She is 5 years old. D. She is 8 years old.

ĐỀ 3

I. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

1. I am ... om Vietnam.
2. My b ... thday is in July.
3. W ld you li an ice cr m?
4. I li some mil....

II. Chọn đáp án đúng A, B, hoặc C

1. Where are you?
A. in B. on C. from
2. Would you like an?
A. apple B. cake C. banana
3. is your birthday?
A. Who B. When C. How
4. I can speakvery well.
A. Vietnam B. Vietnamese C. Americ.
5. are you?
A. How old B. How many C. How
6. I am from.....
A. Vietnamese B. English C. England
7.is your birthday?
A. How many B. How C. When
8. It's July.
A. in B. on C. at
9. When do youEnglish?
A. like B. from C. have
10. from Singapore.
A. I am B. She C. I

III. Nói cột A với cột B

A	B	Nói
1. Where are you from?	a. Yes, please	1 -
2. When is your birthday?	b. Yes, I can.	2 -
3. Would you like some milk?	c. I am from England.	3 -
4. Can you swim?	d. I like English.	4 -
5. What subjects do you like?	e. It is in January.	5 -

IV. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Hi! My name's Minh. I'm nine years old. I am from Vietnam. My birthday is on August 15th. This is my friend, LiLi. She is from Singapore. She's nine years old, too. But her birthday is on September 2nd.

1. What's his name?

.....

2. How old is he?

.....

3. Where is he from?

.....

4. What's her name?

.....

5. How old is she?

.....

6. Where's she from?

.....

7. When's his birthday?

.....

V. Trả lời các câu hỏi sau

1. Where are you from?

2. How many students are there in your class?

3. When's your birthday?

4. What subjects do you have today?

5. What subjects do you like? Why?

6. When do you have English?

7. What do you do during English lessons?

ĐỀ 4

I. Khoang vào từ có phát âm của chữ cái được gạch chân khác với các từ còn lại

- | | | | |
|--------------------|------------------|----------------|-----------------|
| 1. wash <u>e</u> s | watch <u>e</u> s | go <u>e</u> s | live <u>s</u> |
| 2. fath <u>e</u> r | gl <u>a</u> ss | ar <u>e</u> | am |
| 3. coug <u>h</u> | sh <u>o</u> uld | wou <u>l</u> d | clou <u>d</u> y |
| 4. h <u>o</u> w | snow <u>y</u> | down | know |

II. Gạch chân từ được chọn để hoàn thành câu

1. Is Peter (driving/riding/going) a bike over there? No, he isn't.
2. Betty's birthday's (on/in/at) March the twenty-first.
3. (What/What's/Why) subjects does Nga like? She likes English.
4. She comes from (American/America/Russian).She speaks English.
5. Long's ball is new but (ours/their/her) isn't.

- 6. The children (are/was/were) still tired today because they (have/had/having) a big party.
- 7. Tom has a headache. He (drank/took/takes) some aspirins.

III. Tìm giới từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau

- 1. My father is very hard. He's working a farm.
- 2. Spring is the most beautiful season Vietnam.
- 3. Where is the map the World?
- 4. Long and his friend are playing chess the tree.
- 5. The dog is playing a ball on the table.
- 6. David often sits two his closed friends in the class.

IV. Đọc lá thư sau tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống và trả lời câu hỏi

Dear, Minh. I'm John. I'm English. I'm in grade 5A. I like Maths ...(1)...
 .Health very much because they...(2)....interesting. My school starts at 7.00
 and...(3)... at 11.00. Football is my ...(4)... sport. I love Viet Nam very
 much. I'm going...(5)..... Viet Nam next summer holiday.

- 1. What's his nationality?

- 2. What subjects does he like?

- 3. When is he going to Viet Nam?

ĐỀ 5

I. Chọn đáp án đúng A, B hoặc C

- 1. There are four in England.
 A. weathers B. season C. seasons D. weather
- 2. There is not in my country.
 A. snow B. rain C. wind D. sunny

3. is the swimming pool?

A. What B. Who C. Where D. How many

4. Are you going the swimming pool the cinema?

A. and B. but C. the D. or

5. What the weather like?

A. is B. are C. do D. does

6. We're to the cinema next weekend

A. go B. went C. goes D. going

7. What do you usually do summer?

A. at B. in C. on D. to

8. I usually go to bed 10 p.m.

A. at B. on C. to D. the

9. I am going to visit my grandparents

A. yesterday B. tonight C. now D. tomorrow

10. What did you do.....?

A. tomorrow B. weekend C. last Sunday D. Sundays.

II. Tìm 5 từ chỉ các bộ phận của cơ thể

A	H	S	N	E	C	K	J	D	K
S	E	A	D	E	A	R	M	W	A
R	A	T	N	E	N	G	A	O	X
B	D	F	O	D	A	L	N	F	S
S	H	O	U	L	D	E	R	I	J
M	R	O	P	H	B	G	Y	D	W
G	I	T	F	K	N	E	E	O	C
E	V	O	E	N	G	M	B	A	W
H	A	I	B	S	H	L	E	Y	B
W	U	R	S	B	E	W	U	S	Y

III. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống với các từ đã cho

season	sunny	summer	cold	flowers	autumn
--------	-------	--------	------	---------	--------

There are four seasons in my country. They are spring, ...(1)...., autumn and winter. In spring, it is wet. The roads are dirty. But there are a lot of beautiful ...(2)..... in spring. In summer, it is hot and ...(3).... The sun shines everyday and I often go swimming in summer. In ...(4).....the weather is cool and there is some wind. Autumn is my favourite ...(5)..... The streets are beautiful and the weather is nice. Winter is very(6)..... I need a lot of warm clothes in winter.

IV. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Last summer my family went to Da Lat. The city was beautiful. We saw a lot of flowers. We ate a lot of fruit. The weather was fine. It was sunny but it wasn't hot. It was even cold in the morning. We enjoyed our stay there. Next summer we are going to visit Nha Trang. Nha Trang is another beautiful city. We are going to walk on the beach. We are going to swim, too.

1. Where did they go last summer?

.....

2. What did they do there?

.....

3. What was the weather like?

.....

4. Where are they going next summer?

.....

5. What are they going to do there?

.....

V. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

1. tonight / going / to / cinema / I'm / the/ . /

.....

2. is / going / to / she / stay / tomorrow / home / at / . /

.....

3. you / are / what / do / Sunday / going / to / next / ? /

.....

4. wrote / my / I / friend / to / letter / a / . /

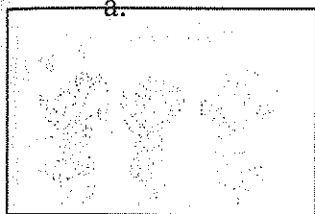
.....

5. the / is / cool / autumn / in / weather / ? /

.....

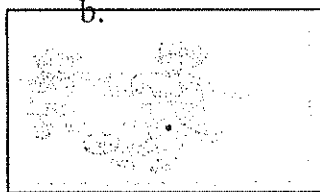
VI. Viết thành câu với những bức tranh sau

a.



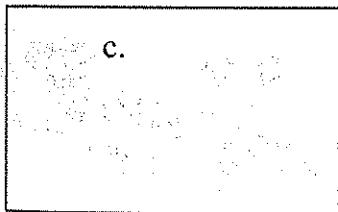
They are

b.



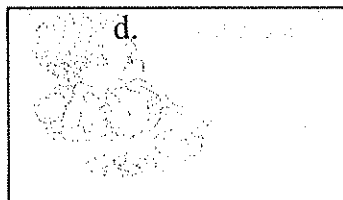
They are.....

c.



They are.....

d.



She is

VII. Lựa chọn đáp án đúng

Next weekend David and his friends are going to visit Doson. They are going to travel by bus. They're going to stay in a hotel and have seafood there. They're going to swim and take photos. They're going to buy some souvenirs for their families.

1. David and his are going to visit Doson.
A. family B. uncle C. friends
2. They are going to travel by
A. bus B. car C. bike
3. They are going to have
A. bread B. seafood C. meat
4. They are going to
A. family B. uncle C. friends
5. They are going to buy some souvenirs for their
A. families B. friends C. teachers

PHỤ LỤC: ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

ĐỀ 1

I. Em hãy chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D

1. Alan and his friendsto Tuanchau Island last week.
A. go B. are going C. went D. to go
2. They traveled to Hanoibus.
A. by B. in C. on D. with
3. We are goingHa Long Bay next Sunday.
A. visit B. visited C. to visit D. visiting
4. Howdo you go swimming?
A. often B. old C. many D. far
5. What is thewith you? – I have a fever.
A. season B. matter C. weather D. summer
6.did you do last weekend? - I went to the cinema.
A. Where B. What C. How D. When

II. Em hãy sắp xếp lại các từ sau để tạo thành câu có nghĩa

1. was/ in/ Nam/ Hanoi/ last month.

2. usually/ badminton/ in/ play/ I/ the/ afternoon.

3. We/ last/ visited/ weekend/ Tuanchau Island.

4. National Park/ They/ going/ the/ to/ are/ tomorrow.

5. did/ yesterday/ you/ what/ do/ ?

6. bicycle / go / school / I / to / usually / by .

III. Em hãy trả lời các câu hỏi sau

1. What's the matter with you?

2. What did you do last night?

3. Where are you going next weekend?

4. How do you go to school?

IV. Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D

1. She is twelve years old. Her birthday is May 2nd.

A. in B. at C. on D. to

2. I born on 23rd November.

A. am B. is C. was D. are

3. They often celebrate Teacher's Day 20th November.
 A. at B. in C. on D. from
4. are you happy? - Because today is my birthday.
 A. When B. Who C. What D. Why
5. What does your father ?- He is an engineer.
 A. does B. do C. doing D. be
6. He works at a hospital. He is a.....
 A. farmer B. doctor C. dancer D. singer
7. She likes music because she wants to be a
 A. nurse B. teacher C. singer D. worker
8. He likes football. He wants to be a
 A. doctor B. footballer C. farmer D. dancer
9. They are farmers. They work on a
 A. factory B. school C. hospital D. farm
10. He is a teacher. He teaches at a
 A. school B. farm C. factory D. hospital

ĐỀ 2

I. Chọn đáp án đúng nhất cho những câu sau

1. What is the matter.....you?
 A. for B. to C. with D. on
2. I have.....cough.
 A. the B. a C. an D. 0
3. He.....his homework last night.
 A. does B. do C. is going to D. did
4.did you go yesterday?-I stayed at home.
 A. Where B. How C. What D. When
5. I'm going..... my teacher next Sunday.
 A. visit B. to visit C. visited D. visiting

II. Điền những từ cho trước vào đoạn hội thoại

Ok, shouldn't, should, headache, see

A: What is the matter with you, Tom?

B: I have a (1).....

A: That's too bad. Why don't you (2).....a doctor?

B: Don't worry. I will be(3).....

A: You(4) go to school today.

B: All right. I'll stay at home.

A: And you (5)..... take some aspirins.

B: Good idea. Thank you, Linda.

III. Đọc hiểu và chọn câu cho đáp án đúng (T) hoặc sai (F)

Tom is my pen friend. He lives in London. Last week he arrived in Vietnam. He visited some old streets and the Temple of Literature in Hanoi. Then, he travelled to Nhatrang. He went swimming everyday and he enjoyed the seafood over there. This Sunday he is going to see the citadel in Hue. Next week he is going to fly to HoChiMinh City. He is going to visit Damsen Park. He is going to buy some souvenirs for his family and friends.

1. Tom lives in Vietnam.
2. Last week, he visited some old streets in Hanoi.
3. He enjoyed the seafood in Nhatrang.
4. He came to see the citadel in Hue last Sunday.
5. He is going to visit HoChiMinh City next week.

IV. Viết đoạn văn ngắn về kỳ nghỉ hè sắp tới của em

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 3

I. Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D

1. I am from Vietnam. I am
 A. English B. American C. Japanes D. Vietnamese
2. Alan is from Singapore. He is
 A. English B. Sigaporean C. American D. Vietnamese
3. Linda is from England. She is
 A. English B. American C. Japanes D. Vietnamese
4. Peter is from America. He is
 A. English B. American C. Chines D. Vietnamese
5. Where are you from, Peter? – I'm from
 A. England B. America C. Japan D. Viet Nam
6. the date today, LiLi? - It's 10th May 2008.
 A. Where's B. When's C. What's D. Who's
7. What's the today? – It's 1st June 2008.
 A. year B. date C. day D. month
8. Our Uncle Ho's birthday is on
 A. May B. June 1st C. May 19th D. May 22th
9. Children's Day is on
 A. August 15th B. July 1st C. May 1st D. June 1st
10. Teacher's Day is on
 A. Sep 20th B. Nov 20th C. Dec 20th D. Oct 20th
11. Where do you study, Mai? - I study Thang Long School.
 A. in B. to C. on D. at
12. When were you born Nam? - I was born 2nd June.
 A. in B. on C. at D. to
13. What your father do? – He's a farmer.
 A. do B. does C. did D. is
14. What does your mother? – She's a doctor.
 A. do B. does C. did D. is

15. My brother works in a factory. He's a
 A. worker B. farmer C. teacher D. nurse
16. My sister works at a hospital. She's a
 A. worker B. Farmer C. teacher D. nurse
17. Her uncle works on a farm. He's a
 A. worker B. Farmer C. teacher D. nurse
18. His aunt teaches English at a school. She's a
 A. worker B. Farmer C. teacher D. nurse
19. She likes singing very much. She wants to be a
 A. footballer B. singer C. dancer D. nurse
20. He likes playing football very much. He wants to be a.....
 A. footballer B. singer C. dancer D. nurse

II. Đọc hiểu sau đó trả lời câu hỏi sau

During the breaktime we often play in the schoolyard. The boys often play football and chess but the girls usually play skipping rope and hide and seek. My favourite game is chess so I often play chess with Nam in our classroom. Some of my friends sometimes complete the puzzle. Today we can't play in the schoolyard because it is raining heavily.

1. Where do they often play?

2. What do the boys often do?

3. What do the girls usually do?

4. Who does he often play chess with?

5. Why can't they play in the schoolyard today?

III. Sắp xếp từ xáo trộn thành câu hoàn chỉnh

1. she / songs / ? / Did / many / sing/.
.....

2. enjoy/ festival / ? / you/ Did /the /.
.....

3. were/ the / festival / ? / many / at / yesterday / there / flowers / How /
.....

4. had / we / many / year / celebrations/ Last /.
.....

5. and / We / at / festival / danced / song / yesterday / sang /the.
.....

IV. Điền từ còn thiếu vào đoạn văn sau

It was Teacher's Day ...(1).... month. We held a lot of celebrations(2)..... the park near our school. There(3)...many teachers and students. We danced beautifully and sang(4)....favourite songs. Some students told funny stories(5).....pets. Some played exciting games. Everyone enjoyed the celebrations a lot.

ĐỀ 4

I. Chọn từ khác âm khác loại với các từ còn lại

- | | | | |
|----------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1. A. <u>h</u> at | B. <u>c</u> at | C. <u>s</u> mall | D. <u>h</u> ave |
| 2. A. <u>cl</u> oudy | B. <u>h</u> ouse | C. <u>ab</u> out | D. <u>f</u> our |
| 3. A. <u>w</u> indy | B. <u>r</u> ice | C. <u>n</u> ice | D. <u>f</u> ive |
| 4. A. <u>t</u> his | B. <u>t</u> here | C. <u>th</u> ank | D. <u>th</u> at |
| 5. A. <u>l</u> ike | B. <u>th</u> ink | C. <u>d</u> rink | D. <u>th</u> ing |

II. Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D

1.are you ? → Fine, thank you.
A. What B. Where C. When D. How
2. Where are you from?
A. I'm fine. Thank you. B. I'm 8 years old.
C. I'm from Singapore. D. I'm short.
3. Peter a white cat and a black dog.
A. has B have C. had D. having
4. What subjectsyou study at school?
A. does B. do C. is D. are
5. Shefish and beef very much.
A. like B. likes C. to like D. liking
6.do you have English? → I have it on Monday and Friday.
A. What B. Who C. When D. How
7. What time does your father go to work? → Heat seven o'clock.
A. go B. goes C. to go D. going
8. I do not go to schoolSaturday and Sunday.
A. on B. at C. in D. from
9. Isyour school, David? → Yes, it is.
A. that B. these C. those D. there
10. Therethirty – two students in my class.
A. is B. has C. have D. are

III. Trả lời câu hỏi sau

1. Is your mother thin?
.....
2. What is your father's job?
.....
3. What is your sister's name?
.....

4. Do you have a bird?

.....

5. Where are the books?

.....

6. What's the weather like today?

.....

7. Is your school big?

.....

8. How old is your father?

.....

9. Why is she happy?

.....

10. How many pencils are there in the box?

.....

IV. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm

1. I like to learn English it is very interesting. (and; but; because)

2. Does she oftenTV on Sundays? (watch; watches; to watch)

3. I oftenup at six thirty. (get; gets; getting)

4. Wedinner at 7 p.m. (has; have; do)

5.is this bag? (How many; How much; How often)

V. Đọc hiểu và chọn đáp án đúng

Hi. My name is LiLi. There are four people in my family, my father, my mother, my brother and I. My father's name is Hoai. He is thirty- seven years old. He is an engineer. He works in Quang Minh. My mother's name is Hue. She is thirty - three years old. She is a teacher. She teaches English in Trung Gia High school. My brother's name is Hiep. He is four years old. He learns in Socson Kindergarten. And I am eight years old. I am a pupil at Socson Primary school. I love my family very much.

1. How many people are there in LiLi's family?

- A. There are 5 people. B. There are 3 people.
 C. There are 6 people. D. There are 4 people.
2. What's her father's job?
 A. He is a teacher. B. He is a worker.
 C. He is a doctor. D. He is an engineer.
3. What does her mother teach?
 A. Maths B. English C. Art D. Informatics
4. How old is her brother?
 A. He is 3 years old. B. He is 4 years old.
 C. He is 5 years old. D. He is 6 years old.
5. Where does LiLi learn?
 A. Quang Minh. B. Trung Gia High school.
 C. Socso Kindergarten. D. Socson Primary school.

ĐỀ 5

I. Chọn từ có cách phát âm khác với những từ còn lại

- | | | | |
|---------------------|-----------------|------------------|------------------|
| 1. A. <u>these</u> | B. <u>this</u> | C. <u>that</u> | D. <u>thanks</u> |
| 2. A. <u>map</u> | B. <u>bag</u> | C. <u>Monday</u> | D. <u>have</u> |
| 3. A. <u>Twenty</u> | B. <u>early</u> | C. <u>pretty</u> | D. <u>fly</u> |
| 4. A. <u>Find</u> | B. <u>miss</u> | C. <u>live</u> | D. <u>think</u> |
| 5. A. <u>child</u> | B. <u>chair</u> | C. <u>chemis</u> | D. <u>cheap</u> |

II. Tìm từ khác loại với những từ còn lại

- | | | | |
|---------------|------------|-------------|-------------|
| 1. A. Russian | B. Holland | C. American | D. Japanese |
| 2. A. draw | B. teacher | C. worker | D. cook |
| 3. A. house | B. room | C. home | D. kitchen |
| 4. A. and | B. in | C. but | D. so |
| 5. A. warm | B. cold | C. cool | D. weather |

III. Chọn câu trả lời đúng A, B, C hoặc D

1. Linda is from Washington D.C . She's
A. Chines B. Singaporean C. English D. American
2. Last night, I TV.
A. watched B. watches C. watch D. watching
3. Some students are funny story.
A. read B. reading C. reads D. readed
4. They are goimh to HoChiMinh city plan.
A. on B. in C. at D. by
5. was your sister born? In Hanoi.
A. When B. What C. Where D. How
6. We have time to buy books.
A. a lot of B. many C. a D. an
7. there many in the sky?
A. Is – clouds B. Are – clouds
C. Are – cloudy D. Has – clouds
8. My son lunch at eleven a.m.
A. is B. does C. has D. have
9. She is a girl.
A. well B. fun C. wells D. good
10. Her teacher lives in a small
A. home B. house C. flats D. vilage.

IV. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

1. go / zoo / Did / the / to /she / yesterday?

2. me / go / the / to / you /cinema / Do /with?

3. does / want / He / to / well / Japanese / not / speak.

4. are / students / There / foreign / in / class / my / many.

5. not / It / easy / is / study / well / Art / to.

V. Điền từ thích hợp vào chỗ chấm

1. I'm a good Maths.
2. How are they? They are fifteen thousand.
3. He want to be a farm.
4. I live far my family.
5. How's the in Nghe An? (It's sunny.)
6. My sister Music. It's her favourite subject.
7. She want to be live in the city because it's noisy.
8. your school got a large English room?
9. My parents play badminton because they play it every day.
10. his brothers free on Sunday?

VI. Viết đoạn văn ngắn về mẹ của em

III. CÁC ĐỀ LUYỆN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

ĐỀ 1

I. Khoanh tròn vào từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại

- | | | | |
|-----------------------|---------------------|------------------|--------------------|
| 1. A. <u>windy</u> | B. <u>sunny</u> | C. <u>sky</u> | D. <u>rainy</u> |
| 2. A. <u>weather</u> | B. <u>cream</u> | C. <u>health</u> | D. <u>headache</u> |
| 3. A. <u>mouth</u> | B. <u>cloud</u> | C. <u>about</u> | D. <u>your</u> . |
| 4. A. <u>cold</u> | B. <u>hot</u> | C. <u>sore</u> | D. <u>body</u> |
| 5. A. <u>headache</u> | B. <u>toothache</u> | C. <u>watch</u> | D. <u>earache</u> |

II. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu

- What's the weather like Hanoi today (*in, on, at*.)
- It rainy in Thai Binh yesterday (*is, are, was*)
- What the people like? (*is, are, was*)
- There are some pictures the wall. (*in, on, a*)
- The food is (*good, sunny, windy*)
- In summer, it is usually (*warm, cold, hot*)

III. Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với 1 câu trả lời ở cột B cho phù hợp

A	B	Nối
1. When do you begin the new school year?	A. In spring	1-
2. What do you usually do in summer holiday?	B. Because it is usually cold, sometimes very cold	2-
3. When do you have Tet holidays?	C. In autumn	3-
4. Why don't you like the winter?	D. I usually go swimming or fishing	4-

IV. Mỗi câu sau có 1 lỗi sai, hãy gạch chân lỗi sai và sửa lại cho đúng

1. What's the matter to you?

.....

2. Last weekend, I am at my friend's birthday party.

.....

3. She watchs T.V every day.

.....

4. There is some books on the table

.....

5. Elephants are bigger than monkeys

.....

V. Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh

1. nice / swimming / The / for / sea / is

.....

2. having / in / I'm / Vung Tau / holiday / a.

.....

3. drink / some/ lemon juice / should / honey/ You/ and.

.....

4. yesterday / you / at / Did / home / stay /?/

.....

VI. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi

I'm having a wonderful time in Quangninh. The beach is nice. The hotels look beautiful and the seafood is excellent. The weather is lovely, so I go swimming most of the time. Yesterday I met a pretty girl from Thaibinh. She was very friendly.

1. Where is Peter ?

.....

2. What is the seafood like ?

.....

3. Why does he go swimming most of the time ?

.....

4. Did he meet a pretty girl from Hanoi ?

.....

ĐỀ 2

I. Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại

- | | | | |
|-----------------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| 1. A. <u>m</u> an | B. <u>f</u> at | C. <u>g</u> ame | D. <u>m</u> aths. |
| 2. A. <u>l</u> earned | B. <u>t</u> urned | C. <u>l</u> istened | D. <u>w</u> alked. |
| 3. A. <u>s</u> porty | B. <u>e</u> asy | C. <u>w</u> hy | D. <u>c</u> ountry |
| 4. A. <u>f</u> rom | B. <u>O</u> ctober | C. <u>N</u> ovember | D. <u>l</u> ong |
| 5. A. <u>w</u> eather | B. <u>c</u> ream | C. <u>h</u> ealth | D. <u>h</u> eadache |
| 6. A. <u>c</u> old | B. <u>h</u> ot | C. <u>s</u> ore | D. <u>b</u> ody |

II. Có bao nhiêu cách đọc ở phần được gạch chân của các từ sau

- | | | | |
|-------------------|----------------------|---------------------|---------------------|
| A. <u>z</u> ebra | B. <u>g</u> et | C. <u>e</u> lephant | D. <u>s</u> he |
| A. <u>w</u> ash | B. <u>b</u> adminton | C. <u>g</u> rade | D. <u>a</u> marzing |
| A. <u>m</u> onkey | B. <u>d</u> o | C. <u>b</u> rother | D. <u>s</u> o |
| A. <u>b</u> ridge | B. <u>w</u> ide | C. <u>r</u> iver | D. <u>h</u> igh |
| A. <u>f</u> ast | B. <u>l</u> ast | C. <u>m</u> an | D. <u>l</u> ate |

III. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu

- | | |
|--|--------------------|
| 1. I'm going to travel train | (by, in, on) |
| 2. What is he going to do..... month ? | (next, last, a) |
| 3. Turn right High Street. | (into, to, at) |
| 4. can I get there ? | (How, What, Where) |
| 5. There are pens on the bookshelf . | (a, an, some) |
| 6. gets up at 6.00. | (I, We, She) |

IV. Sắp xếp các câu sau thành bài hội thoại hợp lý

1. Thank you very much
2. How can I get there?
3. Excuse me.
4. Go straight ahead, then turn right. the post office is next to the school.
5. Yes. there is one near Hight Street.
6. You are welcome.
7. Is there the post office near here ?
8. Yes ?

V. Chọn từ thích hợp trong khung để hoàn thành các câu sau

Badminton	subjects	play	at	study
-----------	----------	------	----	-------

A: What did you do yesterday ?

B: I studied ...(1).....school

A: What ...(2)..... did you study?

B: I ...(3)..... Vietnamese, English and art.

A: Did you ...(4).....football?

B: No, I didn't. I played ...(5).....

VI. Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng

1. Go straight ahead into the traffic lights and turn left

2. What's the weather like yesterday?

3. Does he plays football?

4. How long is Nam? – He is one hundred and forty-five centimetres.

5. We usually listen music in the morning.

6. Let is play cards.

VII. Đọc đoạn văn và điền T nếu thông tin là đúng, F nếu thông tin là sai vào các câu bên dưới.

My name is Phong. I like to play football very much and I want to be a footballer. I watch all the football matches on T.V. This is my friend. Her name is Lan. She wants to be a singer because she likes to sing. She wants to be a famous person.

1. Phong likes to play football ☐
2. Phong wants to be a footballer. ☐
3. Phong always watches games on T.V. ☐
4. Lan wants to be a singer. ☐

ĐỀ 3

I. Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại

- | | | | |
|----------------------|--------------------|-------------------|---------------------|
| 1. A. <u>go</u> | B. <u>some</u> | C. <u>hope</u> | D. <u>holiday</u> . |
| 2. A. <u>pack</u> | B. <u>ask</u> | C. <u>away</u> | D. <u>suitcase</u> |
| 3. A. <u>music</u> | B. <u>fun</u> | C. <u>flu</u> | D. <u>club</u> |
| 4. A. <u>camping</u> | B. <u>ocean</u> | C. <u>country</u> | D. <u>celebrate</u> |
| 5. A. <u>cook</u> | B. <u>cinema</u> | C. <u>cake</u> | D. <u>candy</u> |
| 6. A. <u>blouse</u> | B. <u>trousers</u> | C. <u>house</u> | D. <u>country</u> |

II. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu

1. Ho Chi Minh city is than Hanoi (*biger, bigger, the biggest*)
2. This book isn't (*my, mine, me*)
3. My name is Phong (*brother, brothers, brother's*)
4. Does he in Hue? (*live, lives, living*)
5. I at Lan's birthday party last night (*was, were, am*)
6. They are going to a song (*sing, sings, singing*)

III. Đọc đoạn văn và điền T nếu thông tin là đúng, F nếu thông tin là sai vào các câu bên dưới

My name is Nam. I have a brother. His name is Phong. He is youger but taller than me. This is our room. Those are our school bags. Phong's school bag is bigger than mine because he has many books in it. That is my table. It is longer than Phong's and I many things on it: notebooks, a radio and a computer.

- 1. Phong is older than Nam. _____
- 2. Phong is taller than Nam. _____
- 3. Nam's school bag is smaller than Phong's _____
- 4. Nam's table is longer than Phong's _____
- 5. There is a computer on Nam's table _____

IV. Mỗi câu sau có 1 lỗi sai, em hãy tìm và sửa lại cho đúng

- 1. Does Lan and Hoa usually go shopping on Sundays?
.....
- 2. What are you going to do in this weekend?
.....
- 3. What does he do in 1982?
.....
- 4. I'm going to cinema this evening.
.....
- 5. He works in the factory. He is a farmer
.....
- 6. What did you have to breakfast?
.....

V. Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với 1 câu trả lời ở cột B cho phù hợp

A	B	Nối
1. When do you begin the new school year?	A. It's about 200 kilometres long	1 -
2. Why don't you like the winter?	B. It's 20 dolars	2 -
3. How are they going to travel?	C. In spring	3 -
4. How long is that river?	D. Because it often cold and sometimes very cold	4 -
5. How much is the bag?	e. By train	5 -

VI. Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh

1. music / Did / to / listen / you / last night / ?

.....

2. at / I / home / stayed / yesterday.

.....

3. wants / a / Phong / footballer / to / be .

.....

4. by / go / to / they / usually / school / bus.

.....

VII. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi

Hi, I'm Nam. I am going to visit my grandparents this weekend. They live in the countryside. I'm going to stay there for two days. I'm going to plant some flowers in the garden near the house.

1. Who is he going to visit this weekend?

.....

2. Where do his grandparents live?

.....

3. How long is he going to stay there?

.....

4. What is he going to plant in the garden?

.....

ĐỀ 4

I. Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại

- | | | | |
|-----------------------|------------------|--------------------|---------------------|
| 1. A. station | B. cinema | C. place | D. late |
| 2. A. <u>l</u> eft | B. <u>z</u> ebra | C. <u>n</u> ext | D. <u>w</u> et |
| 3. A. <u>n</u> ear | B. <u>h</u> ear | C. <u>e</u> ar | D. <u>a</u> head |
| 4. A. exc <u>u</u> se | B. <u>m</u> ust | C. <u>s</u> un | D. <u>j</u> unction |
| 5. A. <u>e</u> vening | B. <u>d</u> esk | C. <u>w</u> elcome | D. <u>n</u> ext |
| 6. A. <u>l</u> ive | B. <u>m</u> usic | C. <u>l</u> isten | D. <u>d</u> ecide |

II. Có bao nhiêu cách đọc ở phần được gạch chân của các từ sau

- | | | | |
|----------------------------|------------------|------------------|--------------------|
| 1. <u>m</u> uch | te <u>a</u> cher | kit <u>ch</u> en | <u>a</u> che |
| 2. <u>f</u> ast | l <u>a</u> st | ma <u>n</u> | l <u>a</u> te |
| 3. <u>d</u> o | g <u>o</u> | h <u>o</u> t | c <u>o</u> ld |
| 4. <u>s</u> ummer | usu <u>a</u> lly | aut <u>u</u> mn | s <u>u</u> nnny |
| 5. <u>s</u> ea <u>s</u> on | we <u>a</u> ther | screa <u>m</u> | br <u>e</u> akfast |
| 6. <u>n</u> ever | oft <u>e</u> n | <u>e</u> vening | w <u>e</u> t |

III. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi

Hi. My name is Minh. Last year I visited my friend. He lives in a small town, about 30 kilometres far from my house. The town is near a beautiful river. It's about 20 metres wide and we went swimming in the river every day.

1. Who did Minh visit last year?

.....

2. How far is it from Minh's house to the town?

.....

3. How wide is the river?

.....

4. Is the river beautiful?

.....

IV. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu

1. She teaches in a school. So she is a (*worker, farmer, teacher*)
2. The cinema is your left. (*in, on, at*)
3. There is book shop here. (*a, an, two*)
4. Turn right Tran Hung Dao Street. (*in, into, on*)
5. The giraffe is the animal in the zoo. (*tallest, tall, taller*)
6. Which country has the biggest population? (*China, India, Russia*)

V. Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng

1. Students sometimes like to have picnic.
.....

2. Mr Brown always goes to work in car.
.....

3. Can you tell me the way to hospital ?
.....

4. There are a dog under the table.
.....

VI. Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh

1. wide / your / is / room / How / ? /
.....

2. thicker / is / This / than / book / one / that / .
.....

3. you / in / usually / What / do / do / summer / ? /
.....

4. you / What / matter / the / is / with / ? /
.....

ĐỀ 5

I. Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại

- | | | | |
|---------------------|--------------------|---------------------|--------------------|
| 1. A. <u>n</u> ight | B. <u>g</u> iraffe | C. <u>t</u> iger | D. <u>t</u> ime |
| 2. A. <u>d</u> oor | B. <u>s</u> chool | C. <u>f</u> ootball | D. <u>r</u> oom |
| 3. A. <u>f</u> un | B. <u>r</u> uler | C. <u>n</u> umber | D. <u>s</u> ubject |
| 4. A. <u>t</u> each | B. <u>e</u> at | C. <u>p</u> lease | D. <u>y</u> ear |
| 5. A. <u>w</u> indy | B. <u>s</u> unny | C. <u>s</u> ky | D. <u>r</u> ainy |

II. Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước từ khác với các từ còn lại

- | | | | |
|----------------|-------------|--------------|--------------|
| 1. A. wide | B. long | C. high | D. kilometre |
| 2. A. season | B. summer | C. winter | D. spring |
| 3. A. tennis | B. football | C. music | D. badminton |
| 4. A. sing | B. learn | C. train | D. play |
| 5. A. headache | B. earache | C. toothache | D. food |
| 6. A. to | B. go | C. on | D. between |

III. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu

1. There are some pictures the wall. (*on, in, at*)
2. She works on the farm. She is a (*farmer, singer, doctor*)
3. How are you ? - I'm 12. (*tall, long, old*)
4. There are twenty in my class. (*boys, girl, boy*)
5. He at home last night. (*stays, stayed, stay*)
6. I'm than you. (*shorter, short, shortest*)

IV. Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng

1. I'm going visit my friends this weekend.
-

2. Phong want to be a footballer.

3. How long is it from your house to school ?

4. What the weather like in Autumn ?

V. Hoàn thành bài hội thoại dùng các từ cho sẵn

Some	matter	doctor	temperature	aspirin
------	--------	--------	-------------	---------

A: You don't look well. What's the(1)..... with you ?

B: I feel sick. I have a ...(2)..... My head is aching.

A: Would you like me to phone the(3).....?

B: No. I'd like ...(4)..... lemon juice.

A: Take some(5)..... and have a rest.

B: Thanks. I think I'll feel better soon.

VI. Đọc bài hội thoại sau đó trả lời câu hỏi

A: What are you going to do this summer holiday?

B: I'm going to visit Hanoi.

A: Where are you going to stay?

B: I'm going to stay in my uncle's house.

B: How long are you going to stay there?

A: For two days.

B: How are you going to travel?

A: I'm going to travel by train.

1. What is he going to do this summer?

2. Where is he going to stay?

3. How long is he going to stay?

4. How is he going to travel?

VII. Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh

1. How / animal / fast / the / is / fastest /?

.....

2. didn't / to / yesterday / I / go / school.

.....

3. old / Uncle Ho / died / How / When / he / was /?

.....

4. learning / in / They / the / classroom / are.

.....

PHỤ LỤC: ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

ĐỀ 1

I. Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại

- | | | | |
|----------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| 1. A. <u>bat</u> | B. <u>animal</u> | C. <u>man</u> | D. <u>amazing</u> |
| 2. A. <u>mouth</u> | B. <u>cloud</u> | C. <u>blouse</u> | D. <u>should</u> |
| 3. A. <u>matter</u> | B. <u>hand</u> | C. <u>stomach</u> | D. <u>aspirin</u> |
| 4. A. <u>break</u> | B. <u>head</u> | C. <u>bread</u> | D. <u>cheap</u> |
| 5. A. <u>fun</u> | B. <u>ruler</u> | C. <u>number</u> | D. <u>subject</u> |
| 6. A. <u>station</u> | B. <u>cinema</u> | C. <u>place</u> | D. <u>late</u> |

II. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu

1. Lan usually to school by bicycle. (*go, goes, going*)
2. Nam and I going to have a picnic (*is, are, am*)
3. He serves in the police. He is a (*work, doctor, policeman*)
4. What time you have lunch yesterday? (*did, do, does*)
5. These shoes are than those ones. (*big, bigger, bigger*)
6. can I get there ? (*What, Where, How*)

III. Có bao nhiêu cách đọc ở phần được gạch chân của các từ sau

1. <u>o</u> range	w <u>ro</u> te	w <u>o</u> n	d <u>o</u>
2. <u>a</u> ke	gr <u>a</u> pe	or <u>a</u> nge	w <u>a</u> ter
3. l <u>e</u> mon	g <u>e</u> t	d <u>e</u> cide	min <u>e</u> ral
4. <u>w</u> eekend	m <u>e</u> et	eng <u>ee</u> er	b <u>ee</u> r
5. <u>u</u> nder	<u>u</u> ncle	m <u>u</u> sic	<u>l</u> unch
6. <u>i</u> n	n <u>i</u> ce	b <u>e</u> hind	<u>l</u> ike

IV. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi

This summer holiday my parents are going to take me to Hanoi. We are going to travel by car. We are going to stay in my uncle's house for two weeks. We are going to visit President HoChiMinh Mausoleum, Hoan Kiem Lake, Temple of Literature, and Lenin Park. We are going to go shopping in Dong Xuan market, and I'm going to buy some souvenirs for my friends.

1. Where are they going to go this summer holiday?

.....

2. How are they going to travel ?

.....

3. What are they going to visit?

.....

4. What is she going to buy?

.....

V. Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng

1. It very hot in summer.

.....

2. What do you want play?

.....

3. Phong usually watch games on T.V.

.....

4. The living room is large than the kitchen.

.....

ĐỀ 2

I. Khoanh tròn vào A, B, C hoặc D là đáp án đúng nhất

1. What subject do you like ?
A. most B. best C. English D. in
2. This is the story my class.
A. of B. to C. with D. for
3. Are you writing a letter..... her?
A. for B. about C. to D. from
4. I'm reading a book Santa Claus.
A. about B. to C. from D. with
5. Did your father read a letter your sister, yesterday?
A. for B. from C. about D. of
6. The teacher is telling a story the students.
A. for B. about C. to D. from
7. We are learning animals and plants French.
A. for - in B. about - in C. to - of D. about - of
8. I'm doing my homework. Let's play chess
A. early B. late C. later D. too
9. There is a market my house.
A. near B. on C. in D. from
10. the break time, we never play volleyball.
A. in B. during C. until D. before

II. Dùng từ gợi ý sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

1. How / weather / yesterday?

.....

2. Why / aren't / you / train?

.....

3. He / going / home / of / souvenirs.

4. How far / it / there / HaNoi?

5. Is / he / the museum / the zoo?

III. Trả lời các câu hỏi sau

1. Where was your girl friend born?

2. How old is she now ?

3. How many people are there in her family ?

4. What does her sister do ?

5. What does she like doing in her free time ?

IV. Mỗi câu có một lỗi sai em hãy ghi lại lỗi sai đó và sửa lại cho đúng

1. We are going to visit Huong pagoda. It sounds nine.

2. Miss Chi does English exercise in the classroom now.

3. How often did you go cycling?

4. You should brush your teeth before meals.

5. You shouldn't eat too much candies.

V. Tìm từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác

- | | | | |
|-------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| 1. A. danced <u>ed</u> | B. liked <u>ed</u> | C. started <u>ed</u> | D. stopped <u>ed</u> |
| 2. A. fu <u>t</u> ure | B. bu <u>s</u> | C. mu <u>s</u> eum | D. mu <u>s</u> ic |
| 3. A. musici <u>a</u> n | B. se <u>c</u> ond | C. coo <u>k</u> | D. cl <u>e</u> ar |
| 4. A. writ <u>e</u> s | B. rid <u>e</u> s | C. want <u>s</u> | D. play <u>s</u> |
| 5. A. h <u>o</u> use | B. h <u>o</u> me <u>w</u> ork | C. h <u>i</u> de | D. h <u>e</u> adache |

VI. Cho dạng đúng của từ trong ngoặc

1. My teacher (tell) stories in English yesterday.
.....
2. Lan often (finish) her homework before going to school.
.....
3. You shouldn't (eat) too many candies
.....
4. We (have) a great party in the sun yesterday morning.
.....
5. She (not walk) to school.
.....

ĐỀ 3

I. Em hãy khoanh tròn một từ khác với các từ còn lại

- | | | | |
|----------------|--------------|------------|----------|
| 1. A. Monday | B. Sunday | C. Friday | D. today |
| 2. A. headache | B. toothache | C. matter | D. fever |
| 3. A. hot | B. weather | C. cold | D. warm |
| 4. A. When | B. How | C. What | D. The |
| 5. A. Subject | B. English | C. Science | D. Music |

II. Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D và khoanh tròn đáp án đó

- 1. It is hot the summer.
A. on B. in C. at D. under
- 2. I don't like Mathsit is difficult.
A. and B. but C. so D. because
- 3. What's the matter.....you?
A. in B. with C. on D. of
- 4. Do you like English? – Yes, I.....
A. do B. am C. like D. don't
- 5. He often.....to school in the morning.
A. gos B. goinig C. goes D. to go

III. Hoàn thành đoạn văn sau bằng cách tìm từ phù hợp điền vào chỗ trống

Ba, Lan, and Hoa want to do some shopping. So they go to the (1)..... Next, they go to the (2)..... because Ba wants some stamps. Then they go to the bookstore (3)..... Lan wants some books and postcards. After that, they go to the foodstall because they (4)..... hungry. Finally, they go to the (5)..... because they want to see a movie.

1., 2., 3., 4., 5.

IV. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

Hi! This is my friend. His name is John. He is ten years old. He is a student at a primary school of Hanoi. He lives in a small apartment in Hanoi with his aunt and uncle. His apartment is near a zoo. So, He usually goes there on weekend. He likes monkeys best because they can swing. He studies many subjects at school, but he likes Maths best. His classes usually start at a quarter past seven.

- 1. How old is John?
.....
- 2. Where does he live?
.....

3. Who does he live with?

.....

4. When does he usually go to the zoo?

.....

5. What is his favorite subject?

.....

V. Hãy viết thành câu hoàn chỉnh sử dụng các từ gợi ý cho sẵn:

1. I/ never/ go/ school/ Sundays

.....

2. What/ do / you/ breakfast?

.....

3. What/ the matter/ you?

.....

4. I/ be/ student.

.....

5. We/ English/ Maths/ Music/ Friday

.....

ĐỀ 4

I. Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh:

1. do / want / to / a / Why/ you / be / doctor / ? /

.....

2. Tom / going / ride / at / weekend / is / to / a / bicycle / the.

.....

3. go / Let's / to / zoo / the .

.....

4. there / police station / Is / a / here / near/ ? /

.....

I. Trả lời các câu hỏi sau

1. Where were you yesterday ?

2. How many people are there in your family?

3. How far is it from your house to school ?

4. Why do you want to learn English?

III. Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với 1 câu trả lời ở cột B cho phù hợp

A	B	Nối
1. They rarely watch.	a. to school ?	1-
2. Why do you want?	b. in my class.	2-
3. There are twenty girls.	c. longer than yours	3-
4. My ruler is	d. television in the morning.	4-
5. How far is it from your house.....?	e. to visit Ho Chi Minh City?	5-
6. What's the weather like?	f. in Thai Binh today ?	6-

IV. Hãy đặt câu hỏi cho những từ gạch chân trong mỗi câu sau

1. Nam goes to school at half past six.

2. This T- shirt is one hundred thousand dong.

3. This is a pen.

4. Ninh and Hoa have Science on Wednesday and Friday.

5. I want to go to the post office because I need some stamps.

ĐỀ 5

I. Hãy viết thành câu hoàn chỉnh sử dụng các từ gợi ý cho sẵn

1. My brother / not / post office / tomorrow.

.....

2. Did / to bed / 7.00 p.m? No, She / not.

.....

3. you / at / home / night?

.....

4. often / you / badminton? Twice / three times / week.

.....

5. long / it / take / here / there / bus?

.....

II. Mỗi câu sau đây có một lỗi sai, hãy tìm và sửa lại cho đúng

1. How is she going to her school?

.....

2. How far does it take from her house to her school?

.....

3. How long does it take she goes to school on foot?

.....

4. Did she learn by heart her lessons before going to school?

.....

5. Why didn't or did?

.....

III. Đọc đoạn văn chọn A, B, C hoặc D là từ đúng nhất

My family lives near a small school. There are four(1) in it. My parents, sister and me. I am the youngest member. My father is a worker in the factory, He works such as an engineer. He(2) up early in the morning. First he brushes his teeth and(3) his face. Then he has a

bread(4) breakfast. His work starts from 7.00 a.m to 4.00 p.m so
 He comes(5) home very early. In the evening He stays at home ,
 watches TV and goes to bed at 10.00 p.m. And my mother is an English
 teacher at Hung Ha Town. My parents are very young. My sister is a
 student(6) Minh Khai Primary School. She is thirteen years old. She is
 in her classroom. She is studying Arts subject. She can draw many pictures.
 They are very beautiful. She likes Arts the most because she wants to be an
 artist. I am a student too, I like(7) football, go fishing, go camping
 and go swimming in summer. Last year my family went to Ho Chi Minh
 city to visit our uncles and aunts. They(8) many photos with my
 family. I bought a lot of souvenirs(9) my friends. Now I am in my
 class I am learning English because tomorrow my school is holding the
 English language Festival. All the teachers and students are going to
(10) beautiful school uniforms. We are going to have a good time.

- | | | | |
|---------------|-----------|-------------|---------------|
| 1. A. members | B. member | C. personal | D. peoples |
| 2. A. wake | B. waked | C. wakes | D. got |
| 3. A. wash | B. washes | C. washed | D. is washing |
| 4. A. about | B. with | C. to | D. for |
| 5. A. out | B. X | C. back | D. in |
| 6. A. at | B. in | C. on | D. of |
| 7. A. to play | B. play | C. played | D. playing |
| 8. A. took | B. take | C. takes | D. is take |
| 9. A. to | B. for | C. about | D. of |
| 10. A. the | B. with | C. a | D. wear |

PHẦN D: MỘT SỐ ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI

ĐỀ 1

PHẦN I: KIẾN THỨC NGÔN NGỮ	10 câu	10 điểm
----------------------------	--------	---------

I. Em hãy khoanh tròn một đáp án đúng trong số A, B, C hoặc D

1. I'm.....America.

- A. from B. is C. are D. at

2. He was born.....Sep 29th 1990.

- A. from B. at C. on D. in

3. My sister is a.....in a factory.

- A. worker B. teacher C. farmer D. doctor

4. I want to be a singer.....I like Music.

- A. so B. because C. that D. about

5. My brother.....Art most.

- A. like B. liked C. live D. likes

II. Em hãy nhìn tranh và hoàn thành các câu sau

1. He likes a.....

2. I want to be a.....

3. He draws a.....

4. His family is very

5. Mai and Trang are playing.....

III. Chọn câu ở cột A ghép với câu ở cột B sao cho phù hợp

A	B	Nối
1. Where was Lan yesterday?	a. Yes, she did	1 -
2. What did she do?	b. Her teachers and friends	2 -
3. Who did she meet?	c. At the song festival	3 -
4. Were there many people?	d. She sang English song.	4 -
5. Did she like the festival?	e. Yes, there were a lot.	5 -

IV. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống

1. It(1)..... very cold yesterday.

A. is B. was C. were

2. Lili had a cough and (2)..... was very tired.

A. he B. her C. she

3. She went to see a (3).....

A. teacher B. doctor C. worker

4. The doctor gave her some cough mixture and said

The doctor gave her some cough mixture and said "you(4).....keep warm.

A. should B. shouldn't C. shoes

5. You shouldn't go to school .I think you'll get (5)..... soon.

A. teacher B. cough C. better

PHẦN II: ĐỌC HIỂU	10 câu	10 điểm
-------------------	--------	---------

I. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời các câu hỏi

Dear Steve.

It's nice to make friend with you. My name is Tony Rober. I'm from Australia. I'm eleven years old. I go to school in the morning. My school is big and beautiful. I like Maths because I like to do things with numbers. I like science, too. I like to learn about animals. In the afternoon,I play football and read book.

Tell me about your school. What is favorite subject?
Nice writing to you.

Sincerely
Tony.

Trả lời câu hỏi

- How old is Tony?
.....
- When does he go to school?
.....
- What subjects does he like?
.....
- Why does she like Science?
.....
- What does he do in the morning?
.....

Viết về Tony.

Viết lại đoạn văn dựa vào những câu trả lời.
Begin with: His name is Tomy Rober. He's from
.....
.....
.....
.....

II. Sử dụng các từ cho sẵn điền vào chỗ trống

works thirty - nine her nurse where

- A. What's your mother's name?
B. (1).....name is Lan.
A. How old is she?
B. She isyears old. She works as (3).....
A. (4).....does she works?
B. She (5).....in the hospital.

PHẦN III: VIẾT	5 ý	10 điểm
----------------	-----	---------

Nhìn tranh sử dụng những từ gợi ý viết thành câu cho phù hợp
This is Mai. She is a student at Kim Dong primary school.

1. Mai / get up / 6 o'clock



2. brush his teeth / morning.....



3. ride a bicycle / 7 p.m.....



4. climb a tree



5. skiing / next week.....



Em hãy viết những từ chỉ bộ phận trên cơ thể sau.



- | | | |
|--------|---------|---------|
| 1..... | 6..... | 11..... |
| 2..... | 7..... | 12..... |
| 3..... | 8..... | 13..... |
| 4..... | 9..... | 14..... |
| 5..... | 10..... | 15..... |

ĐỀ 2

A. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

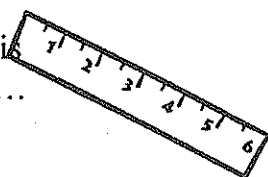
I. Em hãy hoàn thành các câu sau đây, sử dụng các tranh gợi ý

1. My father
a...



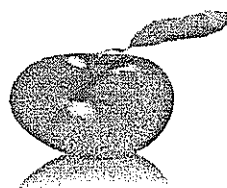
4. This

.....

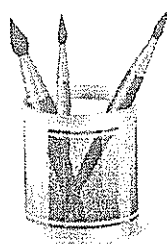


2. What is this ?
It is a.....

5. I would like
an.....



3. He is a
.....



II. Khoanh tròn chữ cái có câu trả lời đúng để hoàn thành câu

1. is that ? - It's my teacher.

A. What B. Who C. Where D. How

2. Does she like sandwiches ? -

A Yes, she do B. Yes, he is C. Yes, she does D. Yes, she is

3. This is Mai. mother is a doctor.

A His B. She C. Her D. His

4. She a banana.

A. wants B. want C. to want D. wantes

5. What is it ? It is

A. eraser B. an eraser C. eraers D. a eraser

B. ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn văn sau đó quyết định các câu dưới đây câu nào đúng (đánh dấu T) câu nào sai (đánh dấu F)

Linda is a student at Star Primary school. She from England. She is eleven years old. Her birthday is on 25th February. She lives in a small town. Her mother is a nurse and her father is a doctor. She studies many subjects such as Math, English, Science, Art and Music. She likes listening to music. Music is her favorite subject at school. She wants to be a singer but her mother wants her to be a teacher. She can sing and dance. She likes sandwiches and ice creams.

1. Linda studies at Star Primary school.

2. She is English.

3. Her mother is a doctor.

4. She likes Music very much.

5. She wants to be teacher.

6. She can sing and dance.

7. She does not like sandwiches.
-

C. VIẾT

Em hãy viết một đoạn văn khoảng 50 đến 60 từ giới thiệu về em dựa theo các từ gợi ý: **Name, age, nationality, address, family, friends, subject.**

ĐỀ 3

PHẦN 1. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

I. Em hãy khoanh tròn chữ cái chỉ một từ khác với từ còn lại

1. Teacher

Nurse

Cooker

Cook
2. White

Green

Sing

Red
3. Vietnam

Singapore

American

England
4. Dear

Year

Month

Week
5. Nice

Take

Thin

Big

II. Khoanh tròn vào đáp án đúng trong mỗi câu sau

1. What was the matter with him? He a toothache
A. to have B. have C. has D. had
2. What subject is he now? Vietnamese.
A. to learn B. learn C. learning D. learned
3. did she go yesterday morning? She went to the bookshop.
A. What B Where C. When D. Why
4. Are you free the evening? Yes, I am.
A. in B. on C. at D. to
5. She is going to television tonight.
A. sing B. play C. stay D. watch

III. Em hãy sắp xếp các câu ở cột B cho phù hợp với câu hỏi ở cột A

A	B	Nối
1. Where was Lan yesterday?	a. Yes, she did.	1 -
2. What did she do?	b. Her teachers and friends.	2 -
3. Who did she meet?	c. At the song festival.	3 -
4. Were there many people?	d. She listened to Vietnamese	4 -
5. Did she like the festival?	e. Yes, there were a lot.	5 -

IV. Em hãy hoàn thành đoạn hội thoại sau, sử dụng các từ cho sẵn

birthday drank songs did last

A: Where were you (1)..... Saturday?

B: We were at Tuan's (2)..... party.

A: What (3).....you do there?

B: We ate candies, cakes and (4).....7 up.

A: Did you sing any (5).....?

B: Yes, we did.

PHẦN 2. ĐỌC HIỂU

I. Đọc và trả lời các câu hỏi sau

Next month Quan and his friends are going to Ha Long Bay. They are going to travel by bus. They are going to stay in a hotel and have seafood there. They are going to swim and take photos they are going to buy some souvenirs for their families and friends.

- 1. When are Quan and his friends going to go?
.....
- 2. Where are they going to go?
.....
- 3. How are they going to travel?
.....
- 4. Are they going to stay in a house?
.....
- 5. Who are they going to buy some souvenirs for?
.....

II. Em hãy đọc đoạn văn và điền các thông tin vào bảng, sử dụng các từ gợi ý điền vào các chỗ trống

- 1. It (1) very cold yesterday.
A. is B. was C. were
- 2. LiLi had a cough and (2) was very tired.
A. He B. Her C. She
- 3. She went to see a (3).....
A. teacher B. doctor C. worker
- 4. The doctor gave her some cough mixture and said “ You keep warm.
A. should B. Shouldn’t C. Shoes
- 5. You shouldn’t go to school. I think you’ll get (5) soon.
A. teacher B. cough C. better

II. Em hãy đọc đoạn hội thoại và đánh dấu (✓) vào ô trống các câu đúng hoặc sai theo nội dung bài hội thoại

Lan: What's your teacher's name?

Van : Her name's Ann.

Lan: Where's she from?

Van: She's from England.

Lan: How old is she?

Van: She's 29.

Lan: Can she cook Vietnamese food?

Van: Yes, she can.

Lan: How does she cook?

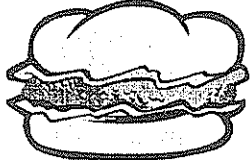
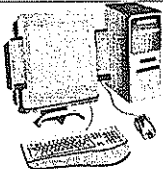
Van: She cooks very well.

Statement	T	F
1. The name of Van's teacher is Jane.		
2. She comes from America.		
3. She is 28 years old.		
4. She likes Vietnamese food.		
5. She cooks very well.		

III. Em hãy khoanh tròn chữ cái chỉ một từ khác với các từ còn lại

1. A. American B. Chinese C. English D. Vietnam
2. A. student B. worker C. teacher D. bigger
3. A. jeans B. teacher C. trousers D. shorts
4. A. brown B. blue C. white D. banana
5. A. hospital B. hotel C. farmer D. school

IV. Em hãy hoàn thành các câu sau, sử dụng các tranh gợi ý

I like eating <i>sandwich</i> very much.	
1. I go to school at in the afternoon.	
2. Myworks as a nurse.	
3. My little brother usually has for breakfast.	
4. I like to play games on	
5. I amEnglish now.	

V. Em hãy sắp xếp các câu trong cột B cho phù hợp với nội dung các câu trong cột A

A	B
1. Hi, Lan. What are you doing?	a. I'm reading a book about Santa Claus.
2. What are you reading?	b. No, it isn't.
3. Is it interesting?	c. I don't know what to do. Can you tell me?
4. Why don't you do anything more interesting?	d. Yes. That's a great idea.
5. Let's play football.	e. I'm reading.

1 - 2 - 3 - 4 - 5 -

VI. Em hãy hoàn thành đoạn hội thoại sau, sử dụng các từ cho sẵn

Where	Last	Yes	festival	Were
-------	------	-----	----------	------

A: When was the English Song (1)?
 B: (2) Saturday.
 A: (3) was it held?
 B: It was held in the park near our school.
 A: (4) there many students at the festival?
 B: (5), there were.

VII. Em hãy đọc đoạn văn và điền các thông tin vào bảng sau

My friend's name is Le Thu Thuy. She is ten years old. She was born on 24th March 1999 in Thanh Hoa. She lives at 16 Tran Hung Dao Street, Thanh Hoa city. She lives in a small house with her parents. She is a student at Le Loi Primary school. She studies well. Her favourite subject in school is English.

Name:	Le Thu Thuy
1. Age	

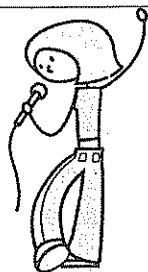
2. Date of birth	
3. Place of birth	
4. Home address	
5. School	

VIII. Em hãy đọc đoạn văn và điền các thông tin vào bảng, sử dụng các từ gợi ý điền vào các chỗ trống cho phù hợp

My name is Lan. I am a student of Thang Long Primary School. I am years ...(1)..... old. I live in a (2) with a family. There are (3) people in my family: my mother, my father, my two brothers and me. I eat rice, meat and drink (4) In the morning I study at school. In the afternoon I play with my (5) I like watching (6) in the evening.

- | | | |
|----------------|------------|--------------|
| 1. A. 14 | B. 15 | C. 9 |
| 2. A. house | B. school | C. Cinema |
| 3. A. four | B. five | C. Six |
| 4. A. fish | B. fruit | C. Water |
| 5. A. football | B. Friends | C. Badminton |
| 6. A. TV | B. radio | C. Computer |

IX. Em hãy viết một đoạn văn (với khoảng 50 từ) sử dụng các tranh gợi ý



Linda / student

Ví dụ:
This is Linda. She is a student.



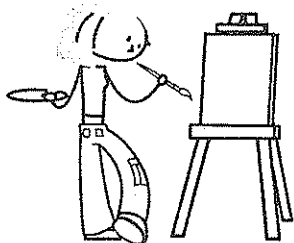
breakfast / 6.30

.....



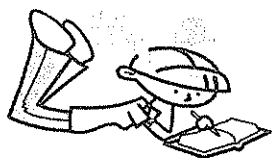
study at school / 7.00
– 11.00

.....



draw picture /
afternoon

.....

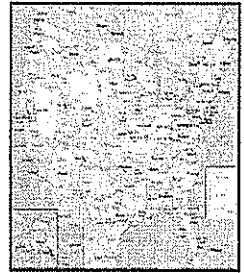
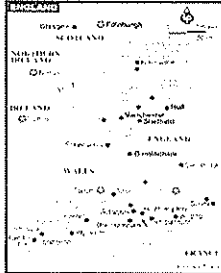
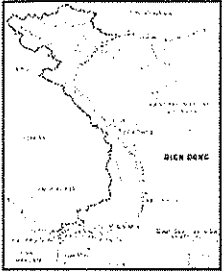


do homework /
evening

.....

ĐỀ 5

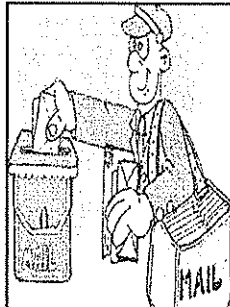
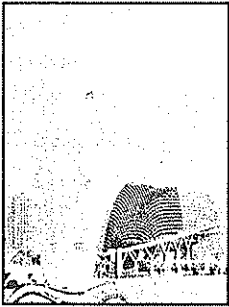
I. Viết câu phù hợp với những bức tranh sau



.....

.....England.....

.....



.....

.....

.....

II. Chọn từ khác với những từ còn lại

- | | | | |
|--------------|------------|-------------------|--------------|
| 1.A. English | B. Hanoi | C. Washington D.C | D. Singapore |
| 2.A. I | B. You | C. Me | D. She |
| 3.A. play | B. live | C. are | D. sing |
| 4.A. always | B. never | C. usually | D. often |
| 5.A. doing | B. reading | C. interesting | D. writing |

III. Chọn câu trả lời đúng điền vào dấu chấm

- 1. My new friends LiLi and Alan. They are from Singapore.
A. am B. is C. are
- 2. I want to be a footballer in the future I like to play football.
A. and B. because C. but
- 3. His mother works as a at Kim Lien school.
A. student B. singer C. teacher
- 4. She is reading a letter her friend, Linda.
A. from B. to C. at
- 5. Do you want chess with me?
A. to play B. play C. playing

IV.

A. Chọn đáp án A, B, C hoặc D thích hợp và điền vào dấu chấm

Hello. My (1)..... is Long. I am a student(2)... Dong Da Primary School. I am eleven years old. I was born (3)..... November 10th 1998(4)..... HoChiMinh city. I am having a birthday party with my friends. There are(5).... of cakes and candies. I am happy because today is my birthday.

- 1. A. name B. names C. name's
- 2. A. in B. on C. at
- 3. A. at B. in C. on
- 4. A. on B. of C. in
- 5. A. some B. lots C. many

B. Đọc đoạn văn ở trên, viết "T" là câu đúng và "F" là câu sai

1. Long is twelve years old.	
2. She is a student at Dong Da High School.	
3. She was born on November 10 th 1997 in Ho Chi Minh city.	
4. She is having a birthday party with her family.	
5. She is very happy because today is her birthday.	

V. Chọn câu cho đáp án đúng A, B, C hoặc D

1. I / eleven / am / years / this / old / year /
A. I am eleven years old this year.
B. I am eleven old years this year.
C. I am eleven this year old years.
2. was / born / he / May / on / 4th /.
A. He was born May on 4th.
B. He was born on May 4th.
C. He born was on May.
3. am / a / student / I / at / Le Hong Phong / School / Primary /.
A. I am a student Le Hong Phong at Primary School.
B. I am a student at Le Hong Phong Primary School.
C. I am student at a Le Hong Phong Primary School.
4. a / wants / Nam / to / footballer / be /.
A. Nam wants to be a footballer.
B. Nam wants be to a footballer.
C. Nam wants to a be footballer
5. often / How / do / play / you / badminton /?
A. How often do you play badminton?
B. How do you often play badminton?
C. How often do play you badminton?

VI. Dịch đoạn văn sau sang tiếng Việt

LiLi is my pen friend. She is from Singapore. She is Singaporean.
She is eleven years old. She studies many subjects such as English, Maths,
Sciences, Art, and Music. She likes Music the most because she wants to be
a singer.

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 6

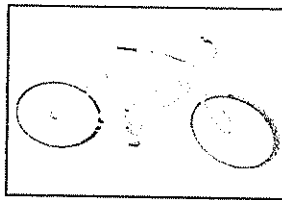
PHẦN A. NGŨ PHÁP

I. Khoanh tròn từ khác loại

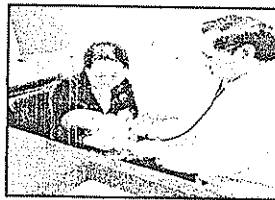
- | | | | |
|-----------|---------|--------|---------|
| 1. worker | teacher | writer | mother |
| 2. kite | bike | bus | taxi |
| 3. beef | fish | fruit | chicken |
| 4. first | second | eighth | four |
| 5. cloud | snow | warm | wind |

II. Hoàn thành các câu dùng tranh gợi ý

1. I go to school by
.....



2. Her father works in a hospital.
He is a

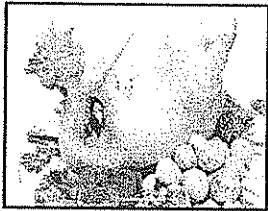


3. I want to buy some books and
postcard.

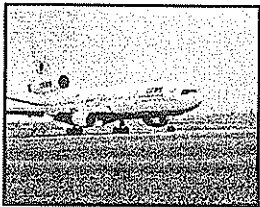
Let's go to the



4. What is your favourite food ?
 I like



5. LiLi likes to go to Nha Trang
 by.....



III. Ghép các câu ở cột A với các câu ở cột B cho phù hợp

A	B
1. What are they doing?	A. She wants to be a nurse.
2. What do you do at weekend?	B. I am going to see films
3. Are you going to the zoo or the cinema?	C. It's about 130 kilometres
4. What does she want to be?	D. I play football with my friends
5. How far is it from Thai Binh to Ha Noi?	e. They are reading picture books

1 - 2 - 3 - 4 - 5 -

IV. Hoàn thành bài hội thoại, dùng các từ cho sẵn trong khung

about	How	visit	How far	next
-------	-----	-------	---------	------

A : What are you going to do (1)..... weekend?

B : I am going to (2)..... Vung Tau.

A : (3) is it from here ?

B : It's (4) 100 kilometres.

A : (5)..... are you going there?
B : By bus.

PHẦN B. ĐỌC HIỂU

I. Chọn một trong các phương án A, B, hoặc C để hoàn thành các câu trong đoạn văn sau

Peter.....(1)..... born in 1995(2) Washington D.C. Last summer he went(3)..... Vietnam. First, he(4).... Ho Chi Minh City. He visited Dam Sen Park. After that, he(5)..... to Hue to see his friend, Hoa. Then, he traveled to Ha Noi. Finally, he visited Ha Long Bay and took alot of photos. He brought some souvenirs for his friends in America.

- | | | |
|-------------|-----------|------------|
| 1. A. be | B. was | C. is |
| 2. A. at | B. on | C. in |
| 3. A. to | B. from | C. in |
| 4. A. visit | B. visits | C. visited |
| 5. A. flew | B. flying | C. flied |

II. Đọc đoạn văn và điền T hoặc F vào các thông tin sau

Next Sunday is a holiday. I'm going to somewhere with my family. My father likes to go to Vung Tau. He thinks the weather is cool and it's good for our health, but my mother doesn't want to go anywhere. She wants to stay at home. My sister wants to visit Da Lat but my brother likes to go to Dam Sen Park.

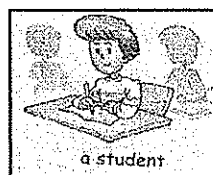
	T	F
1. Next Saturday is a holiday.		
2. His father likes to visit Vung Tau		
3. His mother likes to stay at home		
4. My sister wants to go to Dam Sen Park.		
5. My brother wants to visit Da Lat.		

PHẦN C. VIẾT

Viết câu dựa vào các từ và tranh gợi ý sau

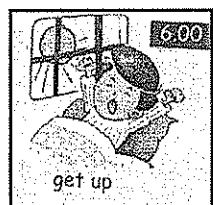
1. Nam / a student

.....
.....



2. Nam / get up / 6 o'clock

.....
.....



3. He / have breakfast / 6.30

.....
.....



4. He / go to school / 7.00

.....
.....



5. He / go to bed / 10.30

.....
.....



ĐỀ 7

PHẦN I. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ	20 Câu	10 Điểm
----------------------------	--------	---------

I. Em hãy khoanh tròn một từ khác với các từ còn lại

- A. chicken

B. bread

C. food

D. rice
- A. math

B. subject

C. science

D. music
- A. breakfast

B. lunch

C. dinner

D. have
- A. house

B. father

C. mother

D. brother
- A. headache

B. toothache

C. doctor

D. fever

II. Em hãy hoàn thành các tranh sau, sử dụng các tranh gợi ý

1. My father is a



2. I am at the moment.



3. Nam and Alan is going to.....next



4. Mai always at 7 a.



5. Would you like an



III. Em hãy xếp các câu trong cột B sao cho phù hợp với nội dung các câu trong cột A

A	B
1. Where are you from?	a. Because I want a hamburger.
2. How often do you play football?	b. It's my favourite drink.
3. I like milk very much.	c. I'm from London.
4. What did you do yesterday?	d. Yes, I am.
5. Are you going to ride a bike tomorrow?	e. Sometimes.
6. Why do you go to the food stall?	f. We went to the cinema.

1- 2 - 3 - 4 - 5 - 6 -

IV. Em hãy hoàn thành đoạn hội thoại sau, sử dụng các từ cho sẵn

works thirty - nine Her nurse where

A: What's your mother's name? A: What does she do?
 B: (1)..... name is Lan. B: She works as a (3)
 A: How old is she? A: (4).....does she work?
 B: She is (2) B: She (5) in a hospital.

PHẦN II. ĐỌC HIỂU	10 Câu	10 điểm
--------------------------	--------	---------

I. Em hãy đọc đoạn văn và điền các thông tin vào bảng sau

My best friend is Le Van Tam. He's ten years old. He lives at 26 Ly Thuong Kiet Street in Hanoi with his mother, father and his elder brother. He's a student at Quang Trung Primary School. He's tall and thin. He has short black hair. His close friends are Minh, Bao and me. His telephone number is 04.3.668.752.

1. Age	
2. Home address	
3. Job	
4. School	
5. Telephone Number	

II. Em hãy đọc đoạn văn sau rồi đánh dấu (✓) vào ý True (đúng) hoặc False (sai) cho các câu dưới đây

There are four seasons in Vietnam. They are spring, summer, autumn and winter. The weather in spring is usually fine and warm. Summer is always very hot and it often rains. It is a rainy season. It is cool and windy in autumn. Winter is a dry season. It is often cloudy and cold. The days in winter are short and the nights are long.

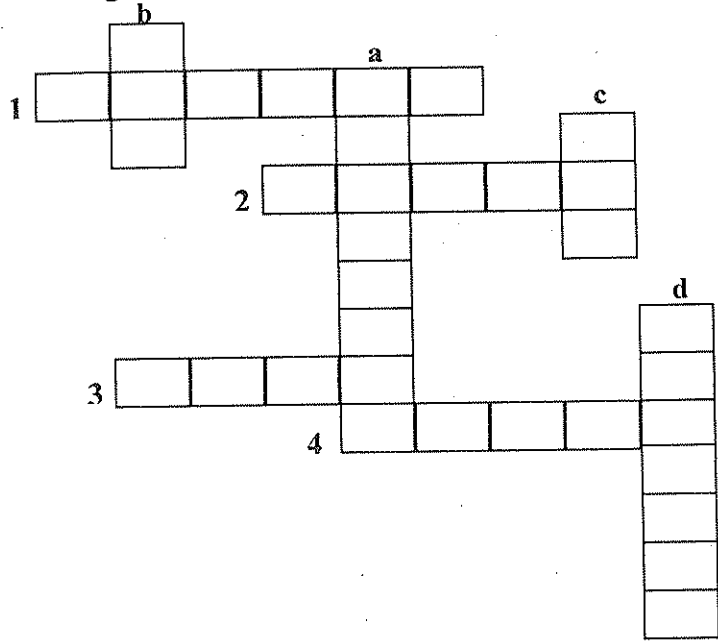
1. There are four seasons in Vietnam.
2. It's usually fine and warm in spring.
3. It doesn't rain in summer.
4. It's often cloudy and cold in winter.
5. The days in winter are long.

T	F
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

PHẦN III. TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ	8 từ	10 điểm
------------------------------------	-------------	----------------

Em hãy điền từ thích hợp vào ô chữ bằng cách trả lời các câu hỏi ở cột ngang (Across) và câu hỏi ở cột dọc (Down)

- | | |
|---|---------------------------------|
| ACROS | DOWN |
| 1. What animal swings from tree to tree? | A. What animal is big and grey? |
| 2. What animal is black and white? | B. What animal says woof,woof? |
| 3. What animal is the King of the forest? | C. What animal says meos? |
| 4. What animal is orange and black? | D. What animal is the tallest? |



ĐỀ 8

A. NGHE HIỂU

I. Nghe những câu sau và khoanh tròn câu đúng nhất

1. This is

- A. a notebook B. a book C. a desk

2. These are

- A. table B. a table C. tables

3. are markers.

- A. This B. They C. These

4. This is

- A. a cassette B. cassette C. cassettes

5. How many? → Six notebooks.

- A. book B. notebooks C. a notebook

6. Count the girls. One, two, three, four. girls.

- A. four B. five C. six

7. Make

- A. a mess B. a circle C. two lines

8.

- A. Count the crayons. B. Come here C. Clean up

B. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

I. Tìm từ khác loại với những từ còn lại

1. A. bedroom B. bathroom C. kitchen D. classroom

2. A. milk B. rice C. flower D. pizza

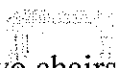
3. A. sweater B. socks C. skirt D. pencil

4. A. bag B. pen C. small D. ruler

5. A. orange B. blue C. green D. pink

II. Đọc, xem kĩ và viết phù hợp với nội dung bức tranh

1. We have a bed, and two chairs.



2. She goes to school at o'clock



3. He likes milk, fish and



4. Those are his.....



5. My brother can.....



III. Nói các câu trong cột B cho phù hợp các câu trong cột A

A	B
1. Where is your school?	a. I get up at 6 o'clock.
2. How many books are there?	b. She can speak English.
3. Where do you live?	c. It is in the village.
4. What time do you get up?	d. There are four books.
5. What can she do?	e. I live in Hue City.

1.....

2.....

3.....

4.....

5.....

C. ĐỌC HIỂU

Đọc và khoanh tròn từ đúng nhất

My name is Uyen. I am a student of Huong Tho Prinmary school. I am(4 / 5 / 9)years old. I live in a(house / school / cinema) with familly. There are(four / five / six) people in my family: my mother, my father, my two brothers and me. I want to eat fish, chicken and drink.....(bread / milk / cake).

D. VIẾT

Look and write. (Xem tranh rồi viết)

1.



get up

2.



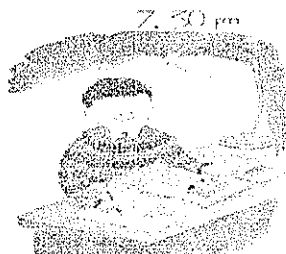
have breakfast

3.



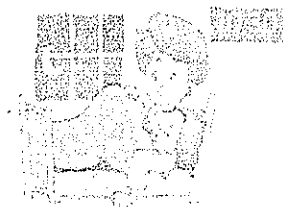
go to school

4.



do homework

5.



go to bed

1. He gets up
2. He has breakfast
5. He goes to bed.....

3. He goes to school.....
4. He does home work.....

E. TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ

1. Em hãy tìm và khoanh tròn các từ chỉ đồ dùng học tập theo hàng ngang, dọc và chéo

P	S	N	E	A	K	E	R	S	P
N	E	R	A	S	E	R	S	E	Q
P	E	N	C	I	L	S	N	Y	C
T	Y	O	C	R	A	Y	O	N	A
A	O	T	Y	I	W	B	A	G	S
B	D	E	S	K	L	W	C	C	S
L	E	B	O	O	K	C	H	A	E
E	Y	O	B	I	R	D	A	T	T
S	E	O	S	K	Y	Z	I	S	T
M	S	K	R	U	L	E	R	S	E

ĐỀ 9

HÀN A. NGHE HIỂU

Em hãy nghe và điền vào bảng sau

Name:	
Age:	
Nationality:	
Favourite sports:	
Favourite subjects:	

I. Em hãy nghe đoạn văn sau và đánh dấu (V) vào ô trống các câu đúng (T) hoặc sai (F) theo nội dung bài sau

Statement	T	F
1. During the break time, the boys often play football.		
2. The girls never skipping ropes in the schoolyard.		
3. Tuan and I play table tennis in the schoolyard.		
4. Binh and Cuong sometimes play chess.		
5. Today the boys and the girls play in the school yard.		

HÀN B. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

Em hãy khoanh tròn chữ cái chỉ một từ khác với từ còn lại

. teacher	nurse	cooker	cook
. white	green	sing	red
. Vietnam	Singapore	American	England
. dear	year	month	week
. nice	take	thin	big

II. Khoanh tròn vào đáp án đúng trong mỗi câu sau

1. What was the matter with him? He a toothache
A. to have B. have C. has D. had
2. What subject is he now? Vietnamese.
A. to learn B. learn C. learning D. learned
3. did she go yesterday morning? She went to the bookshop.
A. What B. Where C. When D. Why
4. Are you free the evening? – Yes, I am.
A. in B. on C. at D. to
5. She is going to television tonight.
A. sing B. play C. stay D. watch

III. Em hãy sắp xếp các câu ở cột B cho phù hợp với câu hỏi ở cột A

A	B
1. Where was Lan yesterday?	a. Yes, she did.
2. What did she do?	b. Her teachers and friends.
3. Who did she meet?	c. At the song festival.
4. Were there many people?	d. She listened to Vietnamese and English song.
5. Did she like the festival?	e. Yes, there were a lot.

1..... 2..... 3..... 4..... 5.....

IV. Em hãy hoàn thành đoạn hội thoại sau, sử dụng các từ cho sẵn

birthday drank songs did last

- A: Where were you (1)..... Saturday?
B: We were at Tuan's (2)..... party.
A: What (3).....you do there?
B: We ate candies, cakes and (4).....7 up.
A: Did you sing any (5).....?
B: Yes, we did.

PHẦN D. VIẾT

Em hãy viết một đoạn văn về các mùa và thời tiết ở nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN E. TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ

I. Em hãy điền các con chữ vào ô trống để được 5 từ chỉ về chủ đề trường học theo gợi ý trong các ô đã viết sau

			S						
			C						
			H	O	M	E	W	O	R
			O						
			O						
			L						

II. Em hãy tìm và khoanh tròn 5 từ chỉ mùa trong bảng dưới đây

C	S	P	R	I	N	G	R	S
S	R	U	T	K	M	A	K	E
U	A	W	I	N	T	E	R	A
M	B	J	P	S	W	A	I	S
M	A	U	T	U	M	N	S	O
E	D	O	P	I	H	L	K	N
R	S	P	O	L	F	B	A	S

ĐỀ 10

PHẦN A. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

I. Em hãy khoanh tròn chữ cái (A,B,C hoặc D) của từ có cách phát âm khác những từ còn lại ở phần gạch chân

- | | | | |
|----------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1. A. <u>h</u> at | B. <u>c</u> at | C. <u>s</u> mall | D. <u>h</u> ave |
| 2. A. <u>cl</u> oudy | B. <u>h</u> ouse | C. <u>a</u> bout | D. <u>f</u> our |
| 3. A. <u>w</u> atch | B. <u>w</u> ant | C. <u>b</u> ank | D. <u>w</u> hat |
| 4. A. <u>t</u> his | B. <u>t</u> hin | C. <u>t</u> hank | D. <u>m</u> ath |
| 5. A. <u>l</u> ike | B. <u>t</u> hink | C. <u>d</u> rink | D. <u>t</u> hing |

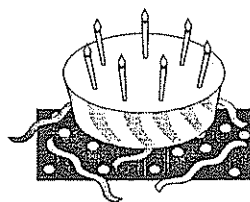
II. Em hãy ghép một câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B

A	B
1. What do you do during Maths lesson?	a. Because they want some stamps.
2. What is her favourite drink?	b. Because they can climb.
3. Why does Nam like bears?	c. I learned many interesting things about numbers.
4. Why do they go to the postoffice?	d. apple juice.
5. What did you do yesterday?	e. I learn many interesting things about numbers.

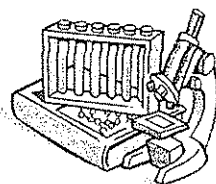
1..... 2..... 3..... 4..... 5.....

III. Em hãy hoàn thành các câu sau. Sử dụng tranh gợi ý

1. Because today is his son's birthday.
His son is

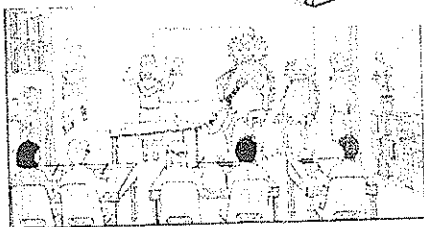


2. Last week, they.....les:

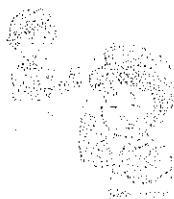


3. How many are ther
class?

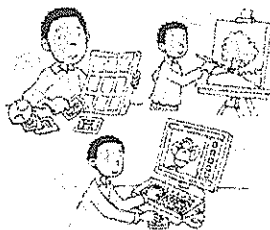
- There are five.



4. He has a headache. He
should.....



5. He likesgames on t
..... and pictur



PHẦN B. ĐỌC HIỂU

I. Em hãy đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

Hi, my name is John. I am from Washington D.C. I am American. I live at 20 Hill Road, New York. I am a student of Rosewood Primary school. There are four people in my family: my parents, my sister and I. My sister is a student, too. She is studying at a music school in the city. She wants to be a singer because she likes to sing. Peter is my classmate. At school, we love football very much. Every Saturday afternoon, we play football in the school yard with my friends from other classes. Both Peter and I hope to join the school football team one day.

Trả lời câu hỏi:

- 1. What is John's nationality?
.....
- 2. What does his sister like?
.....
- 3. What school does Peter study?
.....
- 4. What do they do every Saturday afternoon?
.....
- 5. Are they in the school football team?
.....

II. Em hãy đọc đoạn văn sau, điền vào chỗ trống từ thích hợp

We had Teacher's Day yesterday. All the teachers and students(1)..... at school. Firstly, we had a meeting in the school yard. The students(2)..... songs and danced. Then the boys(3)..... exciting games. The girls sang and danced. Some played hide-and-sick and skipped(4)..... After that we had a party. We had a big cake. We(5)..... Coca - Cola too. Finally, we took a lot of photos. Everyone enjoyed the celebration very much.

1..... 2..... 3..... 4..... 5.....

PHẦN C. VIẾT

Em hãy trả lời câu hỏi bằng cách hoàn thành các câu sau (sử dụng tranh và các từ gợi ý dưới đây)

- 1. Monday/I/went/school/and/had/lesson.
During/lesson/about/animals/plants.
.....
.....

2. Tuesday/ I/ had/lesson. During/lesson/I/many/interesting/ numbers. I/not/like/ because/ difficult.

3. I/in the evening/with/parents.

4. Wednesday and Friday/I/trees. It/favourite/work.

5. I/went/Because/I/books/postcards.

PHẦN D. TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ

I. Em hãy tìm và khoanh tròn 6 từ ở hàng ngang, hàng dọc chỉ các tên 1 số nước và các từ chỉ quốc tịch

S	V	B	C	H	I	N	A	A	L	L
L	I	C	H	Q	A	X	Z	U	R	O
K	I	V	I	E	T	N	A	M	M	N
J	S	I	N	G	A	P	O	R	E	D
G	N	F	E	D	S	T	R	E	W	O
H	A	U	S	T	R	A	L	I	A	N
U	V	B	E	M	L	P	O	N	K	C
I	N	G	F	R	Y	U	I	O	P	B

ĐÁP ÁN

PHẦN B: ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT

ĐỀ 1

- I. 1.B 2.B 3.B 4.A 5.A
II. 1.A 2.B 3.A 4.A 5.A
III. 1.C 2.D 3.B 4.A 5.C
IV. 1. My 2. Where 3. from 4. How
5. do
V. 1.T 2.F 3.F 4.T 5.T

- VI.
1. My name is Ha
2. I'm eleven years old
3. I was born on March 5th 2001
5. I'm a student at Hong Ha Primary school

ĐỀ 2

- I. 1.A 2.C 3.D 4.B
II. 1. for 2. up 3. an 4. from – to
III. 1. What time do you go to school ? 2. What is her job ?
3. My favourite drink is orange juice ? 4. I'd like some bread.
IV.

1. I'm thirsty. I'd like some Co-ca. 2. I go to school at 6.30 o'clock.

- V.
1. Her name is Hoa. 3. She goes to work at 7 o'clock.
2. She is a doctor. 4. Her favourite food is hamburger.

ĐỀ 3

- I. 1. What time do you have lunch?
2. I'd like some milk.
3. Orange is my favourite food.
4. What is his job?
II. 1.B 2.A 3.D 4.D
III. 1. I'm hungry. I'd like bread.
2. I go to bed at 10.30 o'clock.

IV.

1. His name is Nam.
2. He is a worker.
3. He goes to work at 6 o'clock.
4. His favourite food is noodles.

V. 1. a 2. up 3. from - to 4. for

ĐỀ 4

I. 1.B 2.A 3 D 4A 5A

II.

1. Her 2. she 3. does 4. Where 5. works

III. Dịch sang tiếng Việt

Laura là một người bạn của tôi. Cô ấy đến từ London. Cô ấy là người Anh. Cô ấy 13 tuổi. Cô ấy học rất nhiều môn như toán, âm nhạc, mỹ thuật, khoa học. Cô ấy thích học toán nhất vì cô ấy thích trở thành nhà khoa học.

Trả lời câu hỏi:

1. She is from London.
2. She is thirteen years old.
3. She learns five subjects.
4. Her favourite subject is Art.
5. She wants to be an artist.
6. She wants to be artist.

ĐỀ 5

I. 1. skirt 2. milk 3. zoo 4. bookshop

5. thursday

II. 1. e 2. h 3. f 4. a

5. c 6. b 7. d 8. g

III.

1. His name is Huy.
2. He's a student.
3. Yes, he does.
4. He gets up at half past five/ At half past five/ At 5.30.
5. No, he doesn't.
6. He's eleven years old/ He's eleven/11.

IV.

1. This is a ball 2. He goes to school by bus
3. That's a tiger 4. I like music
5. She's a doctor/ a nurse

II. ĐÁP ÁN ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**ĐỀ 1**

- I.** 1. Classroom 2. Chess 3. Yesterday 4. A 5. Picture

- II.** 1. er 2. ea 3. a 4. n - e 5. a - d

- III.** 1. A 2. B 3. C 4. D 5. B

- IV.** 1. my 2. Where 3. from 4. How 5. do

V.

1. Linda is from England.
2. When is your birthday?
3. How often do you play football?
4. Do you want to play skipping rope?
5. Where were you yesterday?

ĐỀ 2

- I.** 1. elephants 2. Why 3. jump 4. dance

- II.** 1. i _ea 2. a _o _p 3. a _ch 4. Wh _i _i

III.

1. She is a teacher 2. I like tigers.
3. Let's go to the circus. 4. I am hungry.

- IV.** 1. juice 2. drink 3. mum 4. food

- V.** 1. post office 2. monkey 3. rice 4. go to school

ĐỀ 3

1. What time does she go to school?
2. I and Khánh like monkeys and bears.
3. She watches T.V at 5.30.
4. Hoa has six dresses and blouse.

- II.** 1.C 2.B 3.A 4.C

III.

1. Màu sắc : Blue, white, brown, red
2. Thức ăn: rice, bread, hamburger, meat

IV.

1. I like tigers and monkeys. 2. I want some books and some pen.
3. Mai goes to school at 6 o'clock. 4. An elephant can dance.

V.

1. Tôi xem ti vi vào lúc 5 giờ 30. 2. Tại sao bạn lại thích đi tới siêu thị?
3. Những chú gấu có thể leo trèo. 4. Đây là một đôi giày màu xanh và vàng.

ĐỀ 4

- I. 1.A 2.B 3.B 4.A
 5.B 6.A 7. A 8.A
II. 1.C 2.B 3.A 4.C 5.A 6.B

III

1. I'm from Viet Nam. 2. I was born on April, 22th 1998.
3. I want to be a teacher. 4. I saw flowers with my friend.
5. Sometimes. 6. I'm stayed at home.

ĐỀ 5

I

1. Would you like a banana? 2. What subjects do you have?
3. I learn to read and write. 4. Where are you from?
5. What time is it?

- II. 1.b 2.c 3.a 4.e 5.d

III.

- ④ I like Music.
③ I'm from Thang Long School. What subject do you like the most ?
① Hello. My name is Nam.
⑤ When do you have it?
② Hi. I'm Lan. What school are you from?
⑥ I have it on Monday and Friday.

- IV. 1.A 2.B 3.B 4.A 5.C

ĐỀ 6

- I. 1. Friend 2. Want 3. That 4. Our 5. Dance
II. 1. om 2. er 3. M 4. an 5. an
III. 1.C 2.A 3.B 4.D 5.D

IV.

1. He is from London. 3. How often do you play bad minton?

2. When is your birthday?

4. Do you want to ride a bike?

ĐỀ 7

I. 1.c 2.d 3.e 4.a 5.b

II. 1. Th - a 2. Th - a 3. a - e 4. oo

III. 1.B 2.A 3.C 4.C

IV. 1. My name is Thanh.

2. I'm fine, thanhk.

3. I'm from Hanoi.

4. Yes, I can.

V. 1. Would you like some milk?

2. I'm from Vietnam

PHỤ LỤC: ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

ĐỀ 1

I. 1.A 2.C 3.D 4.B

II 1. from 2. up 3. a 4. from - to

III.

1. What time do you have a breakfast? 2. What is his job ?

3. My favourite drink is orange juice ? 4. I'd like some chicken.

IV. 1. I'm thirsty. I'd like some orange juice

2. I get up at 6.30 a.m.

V.

1. His name is Minh 2. He is a doctor.

3. He goes to work at 7 o'clock. 4. His favourite food is hamburger.

ĐỀ 2

I.

1. I was born on December 19th.

2. There are some books on the table.

3. Mary has breakfast at 7.30 a.m.

4. What is her job?

II. 1.B. 2.A 3.D 4.D

III.

1. His name is Hoang.

2. He is a student.

3. He goes to school at 6 o'clock.

4. His favourite food is noodles.

V.

are → is 2. in → on 3. usually → often 4. have → had

are → were

7. 1. ess 2. ess 3. ay - day 4. ay

ĐỀ 3

I. 1. song 2. yesterday 3. an 4. letter

II.

1. want → wants 2. does → do 3. am → was 4. is → are 5. does → did

II. 1. doctor/nurse 2. play 3. in 4. be/become 5. at

V.

1. was 2. did 3. on 4. boys 5. she
6. do 7. were 8. never 9. Many 10. wants

7.

1. Phong is a student at Dong Da Primary school.

2. They held a sports day yesterday.

3. All the teachers and Students were there.

4. The students played different sports and games, such as football, badminton, chess, hide and seek.

5. He was happy because he was the best player.

ĐỀ 4

I. 1. letter 2. school 3. doing 4. badminton 5. beore

II. 1. play 2. Play skipping 3. ride 4. play 5. play

6. to go 7. writing 8. to play

II.

1. My favorite sport is football.

2. Let's play some games.

3. Do you want to play badminton?

4. How often do you go swimming?

V. 1.B 2.B 3.B 4.C 5.C

VI. 1. His name's Tung.

2. He goes to school in the morning

3. Yes, he does

4. He usually plays football on Sunday afternoons.

5. He usually plays football on Sunday afternoon.

6. He wants to be a car designer.

ĐỀ 5

- I. 1.B 2.C 3.D 4.A 5.B
 II. 1. are 2. did 3. on 4. go 5. were

III.

1. They are in the classroom now.
2. They are are having an English lesson
3. The teacher is asking a question.
4. Some students are listening to her writing in their notebooks. Some students are reading the passage. Some are making a dialogue.
5. The class is really exiting.

IV.

1. He is drawing a picture.
2. What's your favourite game sport?
3. Did you enjoy competition?
4. He never plays chess

III. ĐÁP ÁN ĐỀ LUYỆN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**ĐỀ 1**

- I. 1. song 2. yesterday 3. an 4. letter
 II. 1. want→wants 2. does→do 3. am→was 4. is→are
 5. does→did 6. are→is 7. in→on
 8. usally→ofen 9. have s→had 10. are→were
 III. 1. doctor/nurse 2. play 3. in 4. be/become
 5. at
 IV. 1. was 2. did 3. on 4. boys 5. she
 6. do 7. were 8. never 9. Many 10. wants

V.

1. Phong is a student at Dong Da Primary school.
2. They held a sports day yesterday.
3. All the teachers and Students were there.
4. The students played different sports and games, such as football, badminton, chess, and hide and seek.
5. He was happy because he was the best player.

ĐỀ 2

- I. 1. telling 2. from 3. Was 4. nurse
 5. What 6. to play
 II. 1.c 2.a 3.e 4.d 5.b

III. 1.B 2.B 3.A 4.A

IV.

	True	False	
☒	☐		During the break time, the boys often play badminton.
☐	☒		The girls never play skipping rope in the schoolyard.
☐	☒		I like to play football with my friends.
☐	☒		Hoa and Linh always play chess in the classroom.
☒	☐		Now we can not play in the schoolyard.

ĐỀ 3

I.	1.A	2.D	3.B	4.A	5.C
II.	1.B	2.A	3.D	4.A	5.C
	6.C	7.D			

III.

1. There are many clouds in the sky.
2. Are there many student in the class?
3. How is the weather in Hanoi today?
4. Is your classroom small?
5. Is that your grandmother?

ĐỀ 4

I.

1. Monday
2. Teacher
3. Student
4. Name
5. Is

II. 1.A 2.B 3.A 4.A 5.A

III. 1.c 2.d 3.e 4.a 5.b

IV.

1. He is ten years old.
2. His school's name is Rose Wood Primary School.
3. His class has thirty-two students.
4. He has Maths, Science and English today.
5. He likes English and Maths.

V.

1. My school is in the city.
2. What subjects do you like?
3. I like Maths.
4. I have breakfast at 6.30 a.m.
5. Lan's Mum is a teacher.

ĐỀ 5

- I. 1. Linda 2. Study 3. Candy 4. Future 5. Letter
 1.B 2.D 3.D 4.A 5.B
- II. 1. Lili never plays football.
 2. When is your birthday?
 3. My father is a doctor.
 4. Mai is reading story now.
- V. 1. a 2. get 3. at 4. play 5. go

ĐỀ 6

- I. 1.D 2.A 3.B 4.A 5.A
 1.True 2. False 3. True 4. True
 5. True
- II. 1. He is a doctor. 2. I am from Hanoi.
 3. What are you doing? 4. I want to play badminton.
 5. Where were you yesterday?
- IV. 1. Where were you yesterday?
 2. I stayed at home.

PHỤ LỤC: ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**ĐỀ 1**

- I. 1.b 2.c 3.d 4.a 5.e
- II. 1. I am Vietnamese.
 3. He is a doctor.
 5. I want play to badminton.
 2. What is the date today?
 4. I am writing a letter.
- III. 1.A 2.A 3.B 4.C 5.B
- IV. 1.True 2.False 3.False 4.True
 5.True
- V. 1. Tôi muốn trong tương lai trở thành ca sĩ.
 2. Tôi đang đọc sách.

ĐỀ 2

- I. 1. game 2. dancer 3. dance 4. favourite
- II. 1.b 2.d 3.a 4.c
- III. 1.B 2.D 3.A 4.C
- IV. 1.T 2.F 3.F 4.T
- V. 1. I was born on November 21st 1998.
 2. We had song a festival yesterday.

3. He is drawing a picture.
4. How often do you play hide and seek?

ĐỀ 3

- I. 1.A 2.B 3.C 4.B 5.D
II. 1.C 2.A 3.C 4.D 5.C
6.A 7.B 8.B 9.B 10.B
III. 1.C 2.B 3.A 4.B 5.D
IV. 1. Do you want to play hide and seek?
2. Mai is reading a letter from her parents.
3. My mother is working at Quang Ngai Hospital.
4. Mai wants to be an artist.
5. Mary doesn't want to play volleyball.

ĐỀ 4

- I. 1. Wh 2. ct 3. Th 4. em
II. 1.
III. 1.A 2.C 3.B 4.B 5.C
IV. 1. Yes, she is
2. There are thirty students in her class.
3. She has Maths, English, Music and Science.
4. Because she wants to be an English teacher.
5. No, she doesn't.
V. 1. No, I can't.
2. I am eleven years old.

PHẦN C : ĐÁP ÁN MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. ĐÁP ÁN CÁC ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT

ĐỀ 1

- I.
II. 1. What is the matter with you? 2. I am very tired
3. You should see a doctor. 4. I have a headache.
5. Linda can't go to school today.
III. 1. You shouldn't eat too.
2. You should keep.
3. You shouldn't eat too.
4. You shouldn't drink cold.
5. You should take some.

- IV. 1. me 2. them 3. her 4. us 5. his
 V. 1. Minh had a fever 2. Yes, he did
 3. He gave him some medicines 4. He should take the medicines.
 5. He shouldn't go to school

ĐỀ 2

- I. 1. her 2. them 3. his 4. us 5. me
 II. 1. What did he do last weenkend? 2. What is the matter with you?
 3. I am very tired 4. You should see a doctor
 5. What day is it today?

III. 1. Mary was born in London.

2. Last summer she went to visit Viet Nam.

3. First, she went to Ha Noi.

4. She went to Hue by bus.

5. She took a lot of photos and bought a lot of souvenirs for her friends.

ĐỀ 3

- I. 1.D 2.B 3.C 4.D 5.A
 II. 1. last night 2. did 3. watch TV 4. interesting
 III. 1. I listened to music last night. 2. We didn't buy anything.
 3. What did he do last weekend? 4. I and my friend wrote a letter.
 5. I went to school last yesterday.

IV.1. Mary was born in Washington D.C.

2. Last summer she went to VietNam

3. First, she went to Hue.

4. Yes, she did

5. She took a lot of photos and bought a lot of souvenirs for her friends.

ĐỀ 4

- I. 1.C 2.A 3.A 4.B 5.C
 6. A 7. B 8. B 9.A 10.B
 II. 1. birds 2. windows 3. umbrella 4. swim
 III. 1. Yes, I do 2. No, I can't
 3. My color is red 4. No, I can't
 5. I like rear book 6. I want go siwm
 IV. 1. I like spiders.
 2. I want to drink milk.
 3. Do you want cake and ice – cream
 4. Look! There's dogs. I like dog.
 V. 1. juice 2. she 3. milk 4. apple 5. piz

ĐỀ 5

- I. 1. A 2.A 3.B 4.C 5.C
- II. 1.A 2.B 3.C 4.A 5.A
6.C 7.A 8.B 9.B 10.A
- III. 1.A 2.C 3.C 4.C 5.A
- IV. 1.tired 2. matter 3. fever 4. take
- V. 1. We are going to visit Do Son next weekend.
2. Are you going to watch T.V this evening?
3. She is going to visit her friends tomorrow.
4. We are going to visit Do Son next weenkend.
- VI. 1. No, she didn't.
2. She went to her friend's birthday party.
3. She bought some gifts and flowers.
4. At the party, she ate a lot of cakes and drank soft drink.
5. Yes, she did.
6. She went home late in the the evening.

ĐÁP ÁN ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**ĐỀ 1**

- I. 1.A 2. A 3.A 4.A 5.A
6.A 7.B 8.B 9.A 10.A
- II. 1. My favourite subject is English.
2. My favourite game is Mario.
3. My favourite sport is football.
4. I am doing my home works now.
5. My friends are staying at home now.
6. My job is a student.
7. No, I don't.
8. My mother is a teacher.
9. My father is a driver.
10. It is May 14th
- III. 1.A 2.B 3.D 4.A 5.D
6.A 7.B 8.A 9.C 10.A
- IV. 1.His 2. is 3. does 4. Where 5. does
- V. 1.T 2. F 3. F 4.T 5.F
- VI. 1. Where was you born?

2. When have you pizza for lunch?
3. What subject does she like the most?
4. What are you going to visit Halong bay?
5. What did you do to my pen friend?

ĐỀ 2

- I. 1.C 2.D 3.A 4.C 5. A
 1.A 2.A 3.C 4.A 5.B
 6.A 7.A 8.B 9.D 10.A
- II. 1.D 2.D 3.B 4.B 5.D 6.D

ĐỀ 3

- I. 1. fr 2.ir 3.ou _ke _ea 4.ke _k
 1.C 2.A 3.B 4.B 5.A
 6.B 7.C 8.B 9.B 10.A
- II. 1.c 2.e 3.a 4.b 5.d
- V. 1. His name's Minh 2. He is nine years old
 3. He is from Vietnam. 4. Her name is LiLi
 5. She 's nine years old 6. She is from Singapore
 7. Her birthday is on September 2nd.

- V. 1. I am from Hanoi.
 2. There are fourty students in my class.
 3. My birthday is May 14th
 4. I have Maths, English subjects today.
 5. I like English because I like speak Emglish.
 6. I have English on Monday and Tuesday.
 7. I speak English during English lessons.

ĐỀ 4

- I. 1. wathches 2. glass 3. should 4. snowy
 1. driving 2. on 3. What 4. America
 5. ours 6. are / had 7. takes
- II. 1. on 2. in 3. of 4. on
 5. with 6. with
- V. 1. and 2. are 3. finishes 4. favourite
 5. to

Answers

1. His nationality is English.
2. He likes Maths and Health.
3. He is going to Vietnam next summer holiday.

ĐỀ 5

- | | | | | | |
|------|-----------|------------|-------------|-----------|-----------|
| I. | 1.C | 3.C | 5.A | 7.B | 9.D |
| | 2.A | 4.D | 6.D | 8.A | 10.C |
| II. | 1. hand | 2. head | 3. shoulder | 4. leg | 5. knee |
| III. | 1. summer | 2. flowers | 3. sunny | 4. autumn | 5. reason |
| | 6. cold | | | | |

IV.

1. They went to Dalat last summer.
2. They saw a lot of flowers and ate a lot of fruit.
3. The weather was fine.
4. They are going to visit Nha Trang next summer.
5. They are going to walk on the beach and swim.

V.

1. I'm going to go to the cinema tonight.
2. She is going to stay at home tomorrow.
3. What are you going to do next Sunday?
4. I wrote a letter to my friend.
5. The weather in autumn is cool.
6. I am going to the amusement park.
7. Are you going to the stadium tomorrow?
8. I am going to the cinema with my sister.

VI.

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1. They are singing | 2. They are playing soccer. |
| 3. They are playing chess. | 4. She is having lunch. |

- | | | | | | |
|------|-----|-----|-----|-----|-----|
| VII. | 1.C | 2.A | 3.B | 4.A | 5.A |
|------|-----|-----|-----|-----|-----|

PHỤ LỤC : ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

ĐỀ 1

- | | | | | | | |
|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| I. | 1.C | 2.A | 3.C | 4.A | 5.B | 6.B |
|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|

II.

1. Nam was in Hanoi last month.

2. I usually play badminton in the afternoon.
3. We visited Tuan Chau Island last weekend.
4. They are going to the National Park tomorrow.
5. What did you do yesterday?
6. I usually go to school by bicycle.

III.

1. I have a headache
2. I went to the cinema with my sister
3. I'm going to visit my grandfather
4. I go to school by bicycle.

- IV. 1.A 2.C 3.B 4.D 5.B
 6.B 7.C 8.B 9.D 10.A

ĐỀ 2

- I. 1.C 2.B 3.D 4.A 5.B
 II. 1. headache 2. see 3. OK 4. shouldn't 5. should
 III. 1.F 2.T 3.T 4.F 5.T

IV. Next summer I'm going to visit my grandparents. They live in the countryside, about 15 kilometres far from my house. It's really quiet and peace. It is not too far, so I'm going to go to there by my father's motorbike. I'm going to stay there for five days. I'm going to help my uncle take care of his son and help my grandparents do garden.

ĐỀ 3

- I.
 1.D 2.B 3.A 4.B 5.B 6.C 7.B 8.C
 9.D 10.B 11.C 12.C 13.C 14.A 15.B 16.B
 17.C 18.B 19.D 20.A

II.

1. They often play in the school yard.
2. The boys often play football and chess.
3. The girls usually play skipping rope and hide and seek.
4. He often plays chess with Nam.
5. Because it is raining heavily.

III.

1. They held the celebrations on Teacher's Day last month.
2. They held the celebrations in the park near their school.

. There many teachers and students were there.
 . The students danced, sang many favourite songs and told funny stories
 about pets.

. Yes, they did.

V. 1. last 2. in 3. were 4. many 5. about

ĐỀ 4

. 1.C 2.D 3.A 4.C 5.A

I. 1.D 2.C 3.A 4.B 5.B

6.C 7.B 8.A 9.A 10.D

II.

. Yes, she is.

2. He is an engineer.

3. Her name is Hoa.

4. Yes, I have.

5. There are on the shelf.

6. Today it is cold.

7. No, It isn't.

8. He is nine years old.

9. Because today is her birthday.

10. There are four pencils in the box

V. 1. because 2. watch

3. get

4. have

5.

How much

V. 1.D 2.D 3.B 4.B 5.D

ĐỀ 5

I. 1.D 2.C 3.D 4.A 5.C

II. 1.B 2.A 3.A 4.B 5.D

III. 1.D 2.A 3.B 4.D 5.C

6.A 7.B 8.C 9.D 10.B

IV. 1. Did she go to the zoo yesterday?

2. Do you go to the cinema with me?

3. He does not want to speak Japanese well.

4. There are many foreign students in my class.

5. It is not easy to study Art well.

V.

wrinkled, but she is rather beautiful. She has a brown complexion, brown eyes and shoulder length hair. She has a kind face, warm smile and voice. When you meet her, you will know how friendly, funny and affectionate she is.

She likes reading and cooking. She always gets up early to do some exercises and prepare the breakfast for my family. Meals she cooks are very delicious. That's the reason why we remember them when we go away. She is a very active person. She joins activities in my town enthusiastically and helps everyone whenever they need.

She loves us a lots and takes care of us carefully. We love her very much, too. We hope that we are kind and joyful as her when we are at her age.

III. ĐÁP ÁN CÁC ĐỀ LUYỆN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

ĐỀ 1

- | | | | | | | |
|------|-------|--------|--------|-------|---------|--------|
| I. | 1.C | 2.B | 3.D | 4.C | 5.C | |
| II. | 1. in | 2. was | 3. are | 4. on | 5. good | 6. hot |
| III. | 1.c | 2.d | 3.a | 4.b | | |

IV.

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. to → with | 4. is → are |
| 2. am → was | 5. biger → bigger |
| 3. watchs → watches | |

V.

- The sea is nice for swimming
- I'm having a holiday in Vung Tau
- You should drink some lemon juice and honey
- Did you stay at home yesterday?

- | | |
|-----------------------------------|------------------------------|
| VI. 1. Peter is in Quang Ninh. | 2. The seafood is excellent. |
| 3. Because the weather is lovely. | 4. No, he didn't. |

ĐỀ 2

- | | | | | | | |
|------|--------------|---------------------------|-----------------|---------|--------------|--------|
| I. | 1.C | 2.D | 3.C | 4.C | 5.B | 6.C |
| II. | 1. two | 2. four | 3. four | 4. two | 5. three | |
| III. | 1. by | 2. next | 3. to | 4. How | 5. some | 6. she |
| IV. | | 3 - 7 - 5 - 2 - 4 - 1 - 6 | | | | |
| V. | 1. at | 2. subjects | 3. studied | 4. play | 5. badminton | |
| VI. | 1. into → to | 2. is → was | 3. plays → play | | | |

- VII. 4. long → high 5. listen → listen to
1.T 2.T 3.F 4.T

ĐỀ 3

- I. 1.B 2.D 3.A 4.B 5.B 6.D
II. 1. bigger 2. mine 3. brother's 4. live 5. was 6. sing
III. 1.F 2.T 3.T 4.T 5.T

IV.

1. does → do 2. in this weekend → this weekend
3. does → did 4. cinema → the cinema
5. farmer → worker 6. have to → have

- V. 1.c 2.d 3.e 4.a 5.b

VI.

1. Did you listen to music last night? 2. I stayed at home yesterday.
3. Phong wants to be a footballer. 4. They usually go to school by bus.

VII.

1. He is going to visit his grandparents this weekend.
2. They live in the countryside.
3. He is going to stay there for two days.
4. He is going to plant some flowers in the garden.

ĐỀ 4

- I. 1.B 2.B 3.D 4.A 5.A 6.D
II. 1. two 2. three 3. three 4. three 5. two 6. three

- III. 1. Minh visited his friend last year.
2. It is about 30 kilometres from Minh's house to the town.
3. The river is about 20 metres wide.
4. Yes, it is.

- IV. 1. teacher 2. at 3. a 4. on 5. tallest 6. China

- V. 1. to have → having 2. in → by
3. hospital → the hospital 4. are → is

VI.

1. How wide is your room?
2. This book is thicker than that one
3. What do you usually do in summer?
4. What is the matter with you?

ĐỀ 5

- I. 1.C 2.B 3.C 4.B 5.D 6.C
 II. 1.D 2.A 3.C 4.C 5.D 6.B
 III. 1. on 2. farmer 3. old 4. boy 5. stayed 6. shorter

IV.

1. visit → to visit 2. want → wants
 3. long → far 4. What → What's

V.

1. matter 2. temperature 3. doctor 4. some 5. aspirin

VI.

1. He is going to visit Ha Noi.
 2. He is going to stay in his uncle's house.
 3. He is going to stay there for two days.
 4. He is going to travel by train.

VII.

1. How fast is the fastest animal?
 2. I didn't go to school yesterday
 3. How old was Uncle Ho when he died?
 4. They are learning in the classroom.

PHỤ LỤC: ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**ĐỀ 1**

- I. 1.D 2.D 3.C 4.D
 5.B 6.B
 II. 1. goes 2. are 3. policeman 4. did
 5. bigger 6. How
 III. 1.2 2.3 3.3 4.2
 5.2 6.2
 IV. 1. They are going to go to Hanoi this summer holiday.
 2. They are going to travel by car.
 3. They are going to visit President Ho Chi Minh Mausoleum, Hoan Kiem Lake, Temple of Literature, and Lenin Park.
 4. She is going to buy some souvenirs (for her friends).
 V. 1. It is very hot in summer.
 2. What do you want to play?

3. Phong usually watches games on T.V.
4. The living room is larger then the kitchen.

ĐỀ 2

- I. 1.B 2. A 3.A 4.A 5.B
 6.C 7.B 8.C 9.A 10.A
- II. 1. How was the weather yesterday?
 2. Why aren't you going by train?
 3. He is going home with a lot of souvenirs.
 4. How far is it from there to Hanoi?
 5. Is he at the museum or at the zoo?
- III. 1. My girl friend was born on May 18th
 2. She is ten years old now.
 3. There are four people in her family.
 4. Her sister is a student.
 5. She likes reading books in her free time.
- IV. 1. nine → nice 2. does → is doing
 3. before → after 4. did → do
 5. much → many
- V. 1.C 2.B 3.A 4.C 5.C
- VI. 1. told 3. eat – are 5. doesn't walk
 2. finishes 4 .had

ĐỀ 3

- I. 1.D 2.C 3.B 4.D 5.A
- II. 1.B 2.D 3.B 4.A 5.C
- III. 1. market 2. post office 3. because 4. feel 5.cinema
- IV. 1. He is ten years old.
 2. He lives in a small apartment in Ha Noi.
 3. He lives with his aunt and uncle.
 4. He usually goes there on weekend.
 5. Maths is his favorite subject.
- V. 1. I never go to school on Sundays.
 2. What do you have for breakfast?
 3. What's the matter with you?
 4. I am a student.
 5. We have English, Maths and Music on Friday.

ĐỀ 4

- I.** 1. Why do you want to be a doctor?
 2. Tom is going to ride a bicycle at the weekend.
 3. Let's go to the zoo.
 4. Is there a police station near here?
- II.** 1. I went to school yesterday.
 2. There are four people in my family.
 3. It is 2 kilometres from my house to school.
 4. Because I want to be English teacher.
- III.** 1.d 2.e 3.b 4.c 5.a 6.f
- IV.** 1. What time does Nam go to school?
 2. How much is this T- Shirt?
 3. What is this?
 4. When do Ninh and Hoa have Science?
 5. Why do you want to go to the post office?

ĐỀ 5

- I.** 1. My brother is not going to go to the post office tomorrow.
 2. Did she go to bed at 7 p.m? No, she didn't.
 3. Are you at home at night?
 4. How often do you play badminton? (I play badminton) twice or three times a week.
 5. How long does it take to go from here to there by bus?
- II.** 1. go → going 2. Far → long 3. She → her
 4. In → by 5. Why did or didn't?
- III.** 1.A 3.B 5.C 7.A 9.B
 2.A 4.D 6.A 8.A 10.D

ĐÁP ÁN MỘT SỐ ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI**ĐỀ 1****PHẦN I. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ**

- I.** 1.A 2.C 3.A 4.B 5.D
- II.** 1. 1. He likes a deer.
 2. I want to be a singer.
 3. He draw a picture.
 4. His family is very happy
 5. Mai and Trang are playing badminton.

III.	1 - c	2 - d	3 - b	4 - e	5 - a	
IV.	1.B	2.C	3.C	4.A	5.A	6.A

PHẦN II. ĐỌC HIỂU

- I. 1. He is eleven years old.
2. He goes to school in the morning.
3. He likes Maths and Sciences.
4. Because he likes to learn about animals.
5. He goes to school.

Viết về Tony: His name is Tony. He is from Australia. He is eleven years old. He goes to school in the morning. He likes Maths and Sciences. He likes Sciences because he likes to learn about animals. In the afternoon, he plays football and reads book.

- II. 1. Her 2. thirty-nine 3. nurse 4. Where 5. works.

PHẦN III: VIẾT

1. Mai often gets up at six o'clock.
2. He brushes his teeth in the morning.
3. He rides a bicycle at 7 a. m.
4. He is climbing a tree.
5. He is going to go skiing next week.

PHẦN IV: TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ

- | | | |
|---------|-------------|------------|
| 1. head | 6. mouth | 11. finger |
| 2. hair | 7. neck | 12. knee |
| 3. eye | 8. shoulder | 13. leg |
| 4. ear | 9. elbow | 14. foot |
| 5. nose | 10. hand | 15. toe |

ĐỀ 2

A. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

- I. 1. My father is a teacher.
2. It is a Kite.
3. He is a student
4. This is my ruler.
5. I would like an apple.
6. There are three pen brushes

- II. 1.A 2.C 3.C 4.A 5.B

B. ĐỌC HIỂU

- 1.T 2.T 3.F 4.T 5.F
6.T 7.F

C. VIẾT: Học sinh tự trả lời**ĐỀ 3****PHẦN I: KIẾN THỨC NGÔN NGỮ**

- I. 1. cooker 2. sing 3. American 4. dear 5. take
II. 1.D 2.C 3.B 4.A 5.D
III. 1.c 2.d 3.b 4.e 5.a
IV. 1. last 2. birthday 3. did 4. drank 5. songs

PHẦN II: ĐỌC HIỂU

- I. 1. They are going to go next month/ next month.
2. They are going to go to Ha Long Bay.
3. They are going to travel by bus.
4. No, they aren't.
5. They are going to buy souvenirs for their families and friends.

- II. 1.B 2.C 3.B 4.A 5.C

PHẦN III. TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ

C	S	P	R	I	N	G	R	S
S	R	U	T	K	M	A	K	E
U	A	W	I	N	T	E	R	A
M	B	J	P	S	W	A	I	S
M	A	U	T	U	M	N	S	O
E	D	O	P	I	H	L	K	N
R	S	P	O	L	F	B	A	S

ĐỀ 4

- I. 1.C 2.C 3.B 4.A 5.A 6.C

- II. 1.F 2.F 3.F 4.F 5.T

- III. 1.D 2.D 3.B 4.D 5.C

- IV. 1. I go to school at half past one in the afternoon.
2. My mother works as a nurse.
3. My little brother often has hamburger for breakfast.
4. I like to play games on computer.
5. I am learning English now.

- V. 1.e 2.a 3.b 4.c 5.d
 VI. 1. festival 2. Last 3. Where 4. Were 5. Yes
 VII.

Name:	Le Thu Thuy
1. Age	ten years old
2. Date of birth	24 th March, 1999
3. Place of birth	Thanh Hoa
4. Home address	16 Tran Hung Dao Street, Thanh Hoa City
5. School	Le Loi Primary School.

- VIII. 1.A 2.B 3.C 4.B 5.A

IX. This is Linda. She is a student. She often has breakfast at 6.30. She studies at school from 7.00 to 11.00. In the afternoon, she draws pictures. She does homework in the evening. She goes to bed at 10 p.m.

X. - 5 từ chỉ môn thể thao: football; volleyball; basketball; table tennis; badminton; ...

- 5 từ chỉ địa điểm: museum; cinema; post office; zoo; park; ...

XI. Từ khóa: FLOWERS

			E	O	O	T	
	F	U	L	L			
		W	O	R	K	E	R
		S	W	I	M		
		P	E	N	C	I	L
			R	U	L	E	R
E	R	A	S	E	R		

ĐỀ 5

- I. 1. Vietnam 2. America
3. Singapore 4. Post office
5. China
- II. 1.A 2.C 3.C 4.B 5.C
- III. 1.D 2.B 3.C 4.A 5.A
- IV.
- A. 1.A 2.C 3.C 4.C 5.B
- B. 1.F 2.F 3.F 4.F 5.T
- V. 1.A 2.B 3.B 4.A 5.A
- VI.

Lili là bạn qua thư của em. Bạn ấy đến từ Singapore. Bạn ấy là người Singapore. Bạn ấy 11 tuổi. Bạn ấy học nhiều môn học như Tiếng Anh, Toán, Khoa Học, Mỹ Thuật và Âm nhạc. Bạn ấy thích học môn Âm nhạc nhất vì bạn ấy muốn trở thành một ca sĩ.

ĐỀ 6**PHẦN A. NGŨ PHÁP**

- I. 1. mother 2. kite 3. fruit 4. four 5. warm
- II. 1. I go to school by bicycle.
2. Her father works in a hospital. He is a doctor.
3. Let's go to the bookshop.
4. I like chicken.
5. Lili likes to go to Nha Trang by air plane/plane.
- III. 1.e 2.d 3.b 4.a 5.c
- IV. 1. next 2. visit 3. How far 4. about 5. How

PHẦN B. ĐỌC HIỂU

- I. 1.B 2.C 3.A 4.C 5.A
- II. 1.F 2.T 3.T 4.F 5.F

PHẦN 3. VIẾT

1. Nam is a student.
2. Nam gets up at six o'clock.
3. He has breakfast at 6.30.
4. He goes to school at 7.00.
5. He goes to bed at 10.30

ĐỀ 7

PHẦN I. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

- I. 1. food 2. subject 3. have 4. house 5. doctor
 II. 1. farmer 2. reading a book
 3. have a picnic (go camping) 4. goes to school
 5. ice-cream
 III. 1.c 2.e 3.b 4.f 5.d 6.a
 IV. 1. her 2. thirty- nine 3. nurse 4. Where 5. works

PHẦN II. ĐỌC HIỂU

I.		10
1. Age		
2. Home Address		Ly Thuong Kiet street.
3. Job		student
4. School		Quang Trung Primary School.
5. Telephone Number		04. 3 .661. 456.

- II. 1.T 2.T 3.F 4.T 5.F

TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ	8 từ	10 điểm
-------------------	------	---------

- ACROSS: 1. MONKEY 2. HORSE 3. LION 4. TIGER
 DOWN: 1. ELEPHANT 2. DOG 3. CAT 4. GIRAFFE

ĐỀ 8

A. NGHE HIỂU

Hello! My name is Long. I am a boy. I am eleven years old. I am a pupil. There are four people in my family. They are my father, my brother, my sister and me. Our telephone number is 3885376.

I have black hair and brown eyes. I like ice cream, pizza and milk. I like football. And this is my house. It is at 25 Le Loi. It is in the city. It is nice. We have a living room, three bedrooms, a bathroom and a kitchen. The bedrooms are small and the living room is big.

1. C 2.A 3.B 4.A 5.C

B. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

- I. 1.D 2.C 3.D 4.C 5.A
 II. 1. We have a bed,a table... and two chairs.

2. She goes to school atseven....o'clock.
3. He likes milk, fish and chicken.
4. Those are his...shoes.
5. My brother can...fly a kite....

III. 1.c 2.d 3.e 4.a 5.b

C. ĐỌC HIỂU

1. 9 2. house 3. five 4. milk

D. VIẾT

1. He gets up at 6 o'clock.
2. He has breakfast at 6.30.
3. He goes to school at 7.00 (o'clock).
4. He does homework at 7.30 (p.m).
5. He goes to sleep at 10.30.

E. TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ

1.

P	S	N	E	A	K	E	R	S	P
N	E	R	A	S	E	R	S	E	Q
P	E	N	C	I	L	S	N	Y	C
T	Y	O	C	R	A	Y	O	N	A
A	O	T	Y	I	W	B	A	G	S
B	D	E	S	K	L	W	C	C	S
L	E	B	O	O	K	C	H	A	E
E	Y	O	B	I	R	D	A	T	T
S	E	O	S	K	Y	Z	I	S	T
M	S	K	R	U	L	E	R	S	E

ĐỀ 9**Phần A. Nghe hiểu**

My name is Mai. I am twelve years old. I am Vietnamese. My address is 16 Le Thanh Tong street, Ha Noi, Viet Nam. My favourite sport is badminton. And my favourite subjects in school are English and Arts. They are interesting. I want a pen friend in England. Can you write to me?

Name:	<i>Mai</i>
Age:	<i>12 (twelve years old)</i>
Nationality:	<i>Vietnamese</i>
Favourite sports:	<i>badminton</i>
Favourite subjects:	<i>English and Arts</i>

II.

During the break time we usually play in the schoolyard. The boys often play football. The girls always play skipping rope. I like to play table tennis with Tuan. Binh and Cuong sometimes play badminton. Today the boys and the girls can't play in the schoolyard because it's raining.

1.T 2.F 3.T 4.F 5.F

Phần B. Kiến thức ngôn ngữ

I. 1. cooker 2. sing 3. American 4. dear 5. take

II. 1.C 2.C 3.B 4.A 5.D

III. 1.c 2.d 3.b 4.c 5.a

IV. 1. last 2. birthday 3. did 4. drank 5. songs

Phần C. Đọc hiểu**I.**

1	- They are going to Ha Long Bay next month. - (Next month.)
2	- They are going to Ha Long Bay.
3	- They are going travel by bus.
4	- No, they are not. - No, they aren't.
5	They are going to buy some souvenirs for their families and friends.

II. 1.B 2.C 3.B 4.A 5.C

Phần D. Viết

Hi My name.....I live in

There are four seasons in my country. They are: spring.....

In It's..... I often.....

In It's..... I often.....

In It's..... I often.....

In It's..... I often.....

Phần E. Trò chơi ngôn ngữ

I.

C	L	A	S	S	R	O	O	M	S
T	E	A	C	H	E	R	S		
			H	O	M	E	W	O	R
		N	O	T	E	B	O	O	K
		B	O	O	K	S			
			L	I	B	R	A	R	Y

II.

C	S	P	R	I	N	C	R	S
S	R	U	T	K	M	A	K	E
U	A	W	I	N	T	E	R	A
M	B	J	P	S	W	A	I	S
M	A	U	T	U	M	N	S	O
E	D	O	P	I	H	L	K	N
R	S	P	O	L	F	B	A	S

ĐỀ 10

Phần A

I. 1.C 2.B 3.C 4.A 5.A

II. 1. e 2. d 3. b 4. a 5. c

III.

1. seven years old.

PHẦN B

I.

1. He is American.
2. She likes to sing.
3. He studies at Rosewood Primary school.
4. They play football.
5. No, they aren't.

- II. 1. were 2. sang 3. played 4. rope 5. drank

PHẦN C

1. On Monday, I went to school and had a science lesson. During a science lesson I learned about animals and plants.
2. On Tuesday, I had Math. During a Math lesson I learned many interesting things about numbers. I didn't like it because it was difficult.
3. I watched TV in the evening with my parents.
4. On Wednesday and Friday I planted trees. It was my favourite work.
5. I went to a bookshop. Because I wanted some books and postcards.

PHẦN D

- I. 1. Chinese 2. Singapore 3. China 4. Australian
 5. London 6. Vietnam

MỤC LỤC

ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG ANH LỚP 5

STT	ĐỀ SỐ	ĐỀ	ĐÁP ÁN
LỜI NÓI ĐẦU			3
PHẦN A: NGŨ PHÁP			4
PHẦN B: CÁC DẠNG ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I			9
I. ĐỀ KIỂM TRA MỘT TIẾT			
1	ĐỀ SỐ 1	9	145
2	ĐỀ SỐ 2	11	145
3	ĐỀ SỐ 3	12	145
4	ĐỀ SỐ 4	14	146
5	ĐỀ SỐ 5	15	146
II. ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ I			
1	ĐỀ SỐ 1	17	147
2	ĐỀ SỐ 2	19	147
3	ĐỀ SỐ 3	20	147
4	ĐỀ SỐ 4	21	148
5	ĐỀ SỐ 5	23	148
6	ĐỀ SỐ 6	24	148
7	ĐỀ SỐ 7	26	149
PHỤ LỤC: ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I			
1	ĐỀ SỐ 1	27	149
2	ĐỀ SỐ 2	28	14

PHẦN C: CÁC DẠNG ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II			
I. ĐỀ KIỂM TRA MỘT TIẾT			
1	ĐỀ SỐ 1	52	154
2	ĐỀ SỐ 2	54	155
3	ĐỀ SỐ 3	55	155
4	ĐỀ SỐ 4	57	155
5	ĐỀ SỐ 5	59	156
II. ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ II			
1	ĐỀ SỐ 1	62	156
2	ĐỀ SỐ 2	65	157
3	ĐỀ SỐ 3	67	157
4	ĐỀ SỐ 4	69	157
5	ĐỀ SỐ 5	70	158
PHỤ LỤC: ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ II			
1	ĐỀ SỐ 1	74	158
2	ĐỀ SỐ 2	76	159
3	ĐỀ SỐ 3	78	159
4	ĐỀ SỐ 4	80	160
5	ĐỀ SỐ 5	83	160
III. CÁC ĐỀ LUYỆN TẬP CUỐI HỌC KÌ II			
1	ĐỀ SỐ 1	86	161
2	ĐỀ SỐ 2	88	161
3	ĐỀ SỐ 3	90	162
4	ĐỀ SỐ 4	93	162